



(12) BẢN MÔ TẢ SÁNG CHẾ THUỘC BẰNG ĐỘC QUYỀN SÁNG CHẾ

(19) Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (VN)
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

(11)



1-0052017

(51)^{2022.01} A41C 3/14; A41C 3/00; A41C 3/10

(13) B

(21) 1-2022-08030

(22) 15/06/2021

(86) PCT/US2021/037337 15/06/2021

(87) WO 2022/035504 17/02/2022

(30) 63/063,590 10/08/2020 US; 17/343,257 09/06/2021 US

(45) 25/09/2025 450

(43) 25/05/2023 422A

(73) NIKE INNOVATE C.V. (US)

One Bowerman Drive, Beaverton, Oregon 97005, United State of America

(72) PENNINGTON, Tara L. (US); RENDONE, Nicole (US).

(74) Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(54) ÁO NGỰC CÓ ĐỆM CHÈN

(57) Sáng chế đề cập đến đệm chèn được tạo kết cấu để được đặt kiểu gối ra được bên trong không gian túi được tạo ra trong phần che ngực của trang phục đỡ. Đệm chèn có hình dạng chu vi bao gồm một hoặc nhiều mép lõm, và một hoặc nhiều mép thẳng. Không gian túi của phần che ngực có hình dạng chu vi mà về cơ bản là giống hình dạng chu vi của đệm chèn. Do đó, khi đệm chèn nằm bên trong không gian túi các mép lõm của đệm chèn căn thẳng với các mép lõm của không gian túi, và các mép thẳng của đệm chèn căn thẳng với các mép thẳng của không gian túi. Kết quả của kết cấu được mô tả là đệm chèn “được khóa” tại chỗ bên trong không gian túi mà ngăn đệm chèn xô dịch và/hoặc xoay trong quá trình giặt và mặc.



Lĩnh vực kỹ thuật được đề cập

Sáng chế đề cập đến đệm chèn gỡ ra được để sử dụng trong trang phục đỡ như áo ngực trong đó đệm chèn được tạo hình để ngăn xô dịch trong quá trình mặc và giặt.

Tình trạng kỹ thuật của sáng chế

Đệm chèn thông thường được chèn kiểu gỡ ra được bên trong không gian túi của phần che ngực của áo ngực thường có hình dạng hình tam giác, hình dạng hình tròn, hoặc hình dạng hình elip và có xu hướng xô dịch và xoay bên trong không gian túi trong quá trình mặc và giặt.

Bản chất kỹ thuật của sáng chế

Theo một khía cạnh, sáng chế đề xuất đệm chèn dùng cho phần che ngực của áo ngực, trong đó đệm chèn này bao gồm: mép lõm trong; mép lõm ngoài đối diện với mép lõm trong; và một hoặc nhiều mép phụ kéo dài từ mép lõm trong và mép lõm ngoài để tạo ra hình dạng chu vi của đệm chèn.

Theo một khía cạnh khác, sáng chế đề xuất cơ cấu áo ngực bao gồm: áo ngực bao gồm: phần che ngực thứ nhất được tạo ra bởi ít nhất lớp vật liệu thứ nhất và lớp vật liệu thứ hai tiếp xúc mặt với lớp vật liệu thứ nhất để xác định không gian túi giữa chúng, trong đó không gian túi được xác định bởi hình dạng chu vi bao gồm mép lõm trong, mép lõm ngoài đối diện với mép lõm trong, và một hoặc nhiều mép phụ kéo dài từ mép lõm trong và mép lõm ngoài, và phần hở của túi thông với không gian túi; và đệm chèn được đặt kiểu gỡ ra được trong không gian túi của phần che ngực thứ nhất, trong đó đệm chèn này bao gồm mép lõm trong, mép lõm ngoài đối diện với mép lõm trong, và một hoặc nhiều mép phụ kéo dài từ mép lõm trong và mép lõm ngoài, trong đó mép lõm trong của đệm chèn căn thẳng với mép lõm trong của không gian túi và mép lõm ngoài của đệm chèn căn thẳng với mép lõm ngoài của không gian túi.

Theo một khía cạnh khác nữa, sáng chế đề xuất phương pháp sản xuất đệm chèn để sử dụng trong phần che ngực của áo ngực, trong đó phương pháp này bao gồm các bước: tạo ra đệm chèn để bao gồm mép lõm trong, mép lõm ngoài đối diện với mép lõm trong, và một hoặc nhiều mép phụ kéo dài từ mép lõm trong và mép lõm ngoài.

Mô tả vắn tắt hình vẽ

Ở đây, các ví dụ của các khía cạnh sáng chế được mô tả chi tiết dưới đây với tham chiếu đến các hình vẽ kèm theo, trong đó:

FIG.1 minh họa hình vẽ của mặt thứ nhất của đệm chèn làm ví dụ thứ nhất để sử dụng trong trang phục đỡ theo các khía cạnh của sáng chế;

FIG.2 minh họa hình vẽ của mặt thứ nhất của đệm chèn làm ví dụ thứ hai để sử dụng trong trang phục đỡ theo các khía cạnh của sáng chế;

FIG.3 minh họa hình vẽ của mặt quay ra ngoài của phần phía trước của trang phục đỡ thứ nhất ở dạng áo ngực có đệm chèn làm ví dụ thứ nhất trên FIG.1 được đặt kiểu gờ ra được bên trong không gian túi của một trong số các phần che ngực của áo ngực theo các khía cạnh của sáng chế;

FIG.4 minh họa hình vẽ của mặt quay ra ngoài của phần phía trước của trang phục đỡ thứ hai ở dạng áo ngực có đệm chèn làm ví dụ thứ hai trên FIG.2 được đặt kiểu gờ ra được bên trong không gian túi của một trong số các phần che ngực của áo ngực theo các khía cạnh của sáng chế;

Fig.5 minh họa hình chiếu mặt cắt của phần che ngực của áo ngực trên FIG.3 lấy theo đường cắt 5-5 theo các khía cạnh của sáng chế;

FIG.6A minh họa hình vẽ từ phía sau làm ví dụ thứ nhất của một trong số trang phục đỡ thứ nhất hoặc trang phục đỡ thứ hai theo các khía cạnh của sáng chế;

FIG.6B minh họa hình vẽ từ phía sau làm ví dụ thứ hai của một trong số trang phục đỡ thứ nhất hoặc trang phục đỡ thứ hai theo các khía cạnh của sáng chế;

FIG.7 minh họa hình vẽ của người mặc chèn đệm chèn làm ví dụ thứ nhất trên FIG.1 vào không gian túi của một trong số các phần che ngực của áo ngực trên FIG.3 theo các khía cạnh của sáng chế;

FIG.8 minh họa hình vẽ của người mặc chèn đệm chèn làm ví dụ thứ hai trên FIG.2 vào không gian túi của một trong số các phần che ngực của áo ngực trên FIG.4 theo các khía cạnh của sáng chế;

FIG.9 minh họa hình vẽ của mặt thứ nhất của đệm chèn một mảnh thay thế thứ nhất để sử dụng trong áo ngực trên FIG.3 theo các khía cạnh của sáng chế;

FIG.10 minh họa hình vẽ của mặt thứ nhất của đệm chèn một mảnh thay thế thứ hai để sử dụng trong áo ngực trên FIG.4 theo các khía cạnh của sáng chế; và

FIG.11 là lưu đồ của phương pháp làm ví dụ để sản xuất đệm chèn để sử dụng trong phần che ngực của áo ngực theo các khía cạnh của sáng chế.

Mô tả chi tiết sáng chế

Các đối tượng yêu cầu bảo hộ của sáng chế được mô tả cụ thể ở đây để đáp ứng yêu cầu theo luật pháp. Tuy nhiên, phần mô tả này không nhằm giới hạn phạm vi của sáng chế. Thay vào đó, các tác giả sáng chế dự định rằng các đối tượng yêu cầu bảo hộ hoặc được bộc lộ có thể được thực hiện theo cách khác, để bao gồm các bước khác nhau hoặc kết hợp của các bước tương tự như các bước được mô tả trong bản mô tả này, kết hợp với các công nghệ hiện tại và tương lai khác. Hơn nữa, mặc dù các thuật ngữ “bước” và/hoặc “khối” có thể được sử dụng trong bản mô tả này để bao hàm các phần tử khác nhau của các phương pháp được sử dụng nhưng các thuật ngữ này không nên được hiểu là ngụ ý một thứ tự cụ thể bất kỳ trong hoặc giữa các bước khác nhau được bộc lộ trong bản mô tả này trừ phi và ngoại trừ khi thứ tự của các bước riêng rẽ được quy định rõ ràng.

Đệm chèn thông thường được chèn kiểu gờ ra được bên trong không gian túi của phần che ngực của trang phục đỡ như áo ngực thường có hình dạng hình tam giác, hình dạng hình tròn, hoặc hình dạng hình elip và có xu hướng xô dịch và xoay bên trong không gian túi trong quá trình mặc và giặt. Hơn nữa, hình dạng chu vi của các đệm chèn thông thường thường khác với hình dạng chu vi của không gian túi của phần che ngực mà góp phần vào sự xô dịch và/hoặc xoay của chi tiết chèn bên trong không gian túi do đệm chèn không thể nằm cố định bên trong không gian túi.

Sáng chế đề cập đến đệm chèn được tạo kết cấu để được đặt kiểu gờ ra được bên trong không gian túi được tạo ra trong một hoặc nhiều phần che ngực của trang phục đỡ như áo ngực. Đệm chèn có hình dạng chu vi bao gồm một hoặc nhiều mép lõm và một hoặc nhiều mép thẳng. Theo một khía cạnh làm ví dụ, một hoặc nhiều mép lõm được ngăn cách bởi một hoặc nhiều mép thẳng. Không gian túi của (các) phần che ngực của áo ngực có hình dạng chu vi mà về cơ bản là giống hình dạng chu vi của đệm chèn. Do đó, khi đệm chèn nằm bên trong không gian túi, thì các mép lõm của đệm chèn căn thẳng với các mép lõm của không gian túi, và các mép thẳng của đệm chèn căn thẳng với các mép thẳng của không gian túi. Kết quả của

kết cấu được mô tả là đệm chèn “được khóa” tại chỗ bên trong không gian túi mà ngăn đệm chèn xô dịch và/hoặc xoay trong quá trình giặt và mặc.

Thuật ngữ “áo ngực” như được sử dụng ở đây nhằm hiểu là bao gồm theo nghĩa rộng loại trang phục đỡ bất kỳ được tạo kết cấu để che, tạo ra sự đỡ, và/hoặc tạo ra sự nhả nhận cho ngực người mặc. Do đó, thuật ngữ áo ngực có thể bao gồm áo ngực thông thường, áo ngực luyện tập thể thao, dải buộc tóc, coocxe, đồ bơi, và dạng tương tự. Thuật ngữ “phần che ngực” khi được sử dụng liên quan đến áo ngực có nghĩa là phần áo ngực che hầu như hoặc toàn bộ ngực phải và trái tương ứng của người mặc.

Thuật ngữ “hình dạng chu vi” biên ngoài cùng của vật phẩm như đệm chèn hoặc không gian túi của phần che ngực. Hình dạng chu vi của đệm chèn và không gian túi được xác định bởi một hoặc nhiều mép. Thuật ngữ “mép” khi được sử dụng để mô tả đệm chèn có nghĩa là mép ngoài tự do hoặc mép gấp. Thuật ngữ “mép” khi được sử dụng để mô tả không gian túi của (các) phần che ngực có thể có nghĩa là biên ngoài của không gian túi, trong đó biên ngoài có thể được xác định bởi vùng gắn giữa các lớp vật liệu được sử dụng để tạo ra (các) phần che ngực. Theo cách khác, biên ngoài của không gian túi có thể là biên ảo phân chia các giới hạn của (các) phần che ngực tương ứng. Việc sử dụng các thuật ngữ chỉ vị trí khi mô tả các mép của đệm chèn giả định rằng đệm chèn nằm thích hợp bên trong không gian túi của (các) phần che ngực của áo ngực. Thuật ngữ “trong” khi được sử dụng để mô tả mép có nghĩa là mép nằm gần hơn với đường trung bình của, ví dụ, áo ngực. Do đó, mép trong của đệm chèn gần hơn với đường trung bình của áo ngực khi đệm chèn nằm bên trong không gian túi. Thuật ngữ “ngoài” khi được sử dụng để mô tả mép có nghĩa là mép nằm xa hơn so với đường trung bình của áo ngực. Do đó, mép ngoài của đệm chèn nằm xa hơn so với đường trung bình của áo ngực và gần hơn với, ví dụ, lỗ xỏ tay của áo ngực hoặc phía bên của áo ngực. Thuật ngữ “phía trên” có nghĩa là gần hơn với lỗ xỏ đầu của áo ngực, và thuật ngữ “phía dưới” có nghĩa là gần hơn với lỗ xỏ thân của áo ngực. Thuật ngữ “phần bên phải” có nghĩa là nằm ở bên phải của áo ngực khi được mặc, và thuật ngữ “phần bên trái” có nghĩa là nằm ở phía bên trái của áo ngực khi được mặc. Thuật ngữ “lõm” có nghĩa là mép cong về phía trong phần trung tâm của, ví dụ, đệm chèn hoặc không gian túi của phần che ngực. Thuật ngữ “thẳng” có nghĩa là kéo dài dọc theo đường thẳng hoặc gần thẳng. Thuật ngữ “trong cùng” khi mô tả lớp vật liệu tạo ra phần che ngực có nghĩa là lớp mà nằm gần nhất với mặt thân của người mặc so với các lớp khác tạo ra phần che ngực. Thuật ngữ “ngoài cùng” khi mô tả lớp vật liệu tạo ra phần che ngực

có nghĩa là lớp nằm xa nhất so với mặt thân của người mặc so với các lớp khác của phần che ngực. Thuật ngữ “kéo dài trực tiếp” khi mô tả quan hệ giữa mép thứ nhất và mép thứ hai có nghĩa là không có các mép xen giữa giữa mép thứ nhất và mép thứ hai.

Trừ khi có lưu ý khác, tất cả các phép đo được cung cấp trong bản mô tả này được đo khi đệm chèn và/hoặc áo ngực ở nhiệt độ và áp suất môi trường tiêu chuẩn (25 độ C hoặc 298,15 K và 1 bar) và ở trạng thái nghỉ (ví dụ, ko bị kéo giãn).

FIG.1 minh họa hình vẽ của mặt thứ nhất 110 của đệm chèn làm ví dụ 100. Đệm chèn 100 được tạo kết cấu cho phần che ngực trái của áo ngực như áo ngực được thể hiện trên FIG.3. Đệm chèn dùng cho phần che ngực phải của áo ngực được thể hiện trên FIG.3 sẽ là hình ảnh phản chiếu của đệm chèn 100. Theo các khía cạnh làm ví dụ, đệm chèn 100 có thể được tạo ra từ vật liệu bọt như, ví dụ, bọt polyuretan mặc dù các vật liệu bọt khác cũng được dự tính ở đây. Đệm chèn 100 có thể được tạo ra bằng quy trình đúc phun và có thể được tạo ra tùy ý để bao gồm các lỗ 112 kéo dài qua đệm chèn 100 từ mặt thứ nhất 110 đến mặt thứ hai đối diện (không được thể hiện). Các lỗ 112 giúp cải thiện tính thấm, độ thoáng, và tính mềm dẻo của đệm chèn 100. Chúng cũng giúp cho đệm chèn 100 nhẹ. Mặc dù các lỗ 112 được thể hiện là có hình dạng hình trứng, nhưng các hình dạng khác cũng được dự tính ở đây như hình tròn, hình tam giác, hình vuông, và dạng tương tự. Đệm chèn 100 có thể có độ dày đều trong khoảng từ khoảng 1 mm đến khoảng 7 mm, hoặc từ khoảng 2 mm đến khoảng 5 mm. Như được sử dụng trong bản mô tả này, thuật ngữ “khoảng” có nghĩa là $\pm 10\%$ giá trị được chỉ định. Cũng dự tính ở đây là đệm chèn 100 có thể có độ dày không đều với một số khu vực của đệm chèn 100 dày hơn các khu vực còn lại.

Theo các khía cạnh làm ví dụ, vải lưới 114 được chồng lớp lên mặt thứ nhất 110 của đệm chèn 100, vào mặt thứ hai của đệm chèn 100, hoặc vào cả mặt thứ nhất 110 và mặt thứ hai của đệm chèn 100. Vải lưới 114 có thể giúp bảo vệ tính toàn vẹn của đệm chèn 100 trong quá trình giặt và mặc. Theo các khía cạnh làm ví dụ khác, các mép của đệm chèn 100 có thể được làm phẳng bởi, ví dụ, quy trình ép, để tạo ra bề ngoài mịn hơn khi đệm chèn 100 nằm bên trong không gian túi của áo ngực.

Đệm chèn 100 có hình dạng chu vi được biểu thị chung bằng số chỉ dẫn 116. Hình dạng chu vi 116 thường bao gồm mép lõm và các mép thẳng. Theo một khía cạnh làm ví dụ, các mép lõm được ngăn cách bởi một hoặc nhiều mép thẳng. Hình dạng chu vi 116 bao gồm ít

nhất mép lõm trong 118 và mép lõm ngoài 120 nằm đối diện với mép lõm trong 118. Đệm chèn 100 bao gồm các mép phụ như mép thẳng phía dưới 122 kéo dài trực tiếp theo phương ngang từ mép lõm trong 118. Đệm chèn 100 có thể còn bao gồm mép thẳng trong 124 kéo dài trực tiếp lên phía trên từ mép lõm trong 118. Đệm chèn 100 còn bao gồm mép lõm phía trên 126 đối diện với mép thẳng phía dưới 122 và kéo dài trực tiếp từ mép thẳng trong 124. Mép ngoài phía trên 128 có thể thẳng hoặc lõm, kéo dài trực tiếp giữa mép lõm phía trên 126 và mép lõm ngoài 120. Ngoài ra, đệm chèn 100 bao gồm mép thẳng ngoài phía dưới 130 kéo dài trực tiếp giữa mép lõm ngoài 120 và mép thẳng phía dưới 122.

Kết hợp của các mép khác nhau được mô tả ở trên tạo ra các góc tù phía trong và các góc nhọn phía trong. Ví dụ, đệm chèn 100 có thể bao gồm ít nhất góc tù 132 được tạo ra giữa mép lõm ngoài 120 và mép ngoài phía trên 128, và góc tù 134 được tạo ra giữa mép lõm trong 118 và mép thẳng trong 124. Đệm chèn 100 có thể còn bao gồm ít nhất góc nhọn 136 được tạo ra giữa mép ngoài phía trên 128 và mép lõm phía trên 126. Hình dạng chu vi 116 được mô tả cho đệm chèn 100 tạo ra hình dạng độc nhất tương tự như, ví dụ, mảnh zic-zac mà cho phép đệm chèn 100 khóa tại chỗ khi được chèn vào không gian túi của phần che ngực như được mô tả dưới đây.

FIG.2 minh họa hình vẽ của mặt thứ nhất 210 của đệm chèn làm ví dụ 200 khác. Đệm chèn 200 được tạo kết cấu cho phần che ngực trái của áo ngực như áo ngực được thể hiện trên FIG.4. Đệm chèn dùng cho phần che ngực phải của áo ngực được thể hiện trên FIG.4 sẽ là hình ảnh phản chiếu của đệm chèn 200. Tương tự như đệm chèn 100, đệm chèn 200 có thể bao gồm vật liệu bọt có lỗ có các lỗ tùy ý 212 kéo dài qua đệm chèn 200 từ mặt thứ nhất 210 đến mặt thứ hai đối diện (không được thể hiện). Các lỗ 212 giúp cải thiện tính thấm, độ thoáng, và tính mềm dẻo của đệm chèn 100. Chúng cũng giúp cho đệm chèn 200 nhẹ. Mặc dù các lỗ 212 được thể hiện là có hình dạng hình trụ, nhưng các hình dạng khác cũng được dự tính ở đây như hình tròn, hình tam giác, hình vuông, và dạng tương tự. Đệm chèn 200 có thể có độ dày đều trong khoảng từ khoảng 1 mm đến khoảng 7 mm, hoặc từ khoảng 2 mm đến khoảng 5 mm. Cũng dự tính ở đây là đệm chèn 200 có thể có độ dày không đều với một số khu vực của đệm chèn 200 dày hơn các khu vực còn lại.

Theo các khía cạnh làm ví dụ, vải lưới 214 được chồng lớp lên mặt thứ nhất 210 của đệm chèn 200, vào mặt thứ hai của đệm chèn 200, hoặc vào cả mặt thứ nhất 210 và mặt thứ

hai của đệm chèn 200. Vải lưới 214 có thể giúp bảo vệ tính toàn vẹn của đệm chèn 200 trong quá trình giặt và mặc.

Theo các khía cạnh làm ví dụ khác, các mép của đệm chèn 200 có thể được làm phẳng bởi, ví dụ, quy trình ép, để tạo ra bề ngoài mịn hơn khi đệm chèn 200 nằm bên trong không gian túi của áo ngực. Đệm chèn 200 có hình dạng chu vi được biểu thị chung bằng số chỉ dẫn 216. Tương tự như đệm chèn 100, hình dạng chu vi 216 thường bao gồm các mép lõm và các mép thẳng. Theo một khía cạnh làm ví dụ, các mép lõm được ngăn cách bởi một hoặc nhiều mép thẳng. Hình dạng chu vi 216 bao gồm ít nhất mép lõm trong 218 và mép lõm ngoài 220 nằm đối diện với mép lõm trong 218. Đệm chèn 200 bao gồm các mép phụ như mép thẳng phía dưới 222 kéo dài trực tiếp theo phương ngang giữa mép lõm trong 218 và mép lõm ngoài 220. Đệm chèn 200 có thể còn bao gồm mép thẳng trong 224 kéo dài trực tiếp lên phía trên từ mép lõm trong 218. Đệm chèn 200 có thể còn bao gồm mép lõm phía trên thứ nhất 226 kéo dài trực tiếp từ mép thẳng trong 224 và mép lõm phía trên thứ hai 228. Mép lõm phía trên thứ nhất 226 và mép lõm phía trên thứ hai 228 được nối bởi mép thẳng phía trên 230. Đệm chèn 200 còn bao gồm mép thẳng ngoài 232 kéo dài trực tiếp lên phía trên từ mép lõm ngoài 220. Mép 234, có thể thẳng hoặc lõm, nối mép thẳng ngoài 232 với mép lõm phía trên thứ hai 228 để hoàn thiện hình dạng chu vi 216 của đệm chèn 200.

Kết hợp của các mép khác nhau được mô tả ở trên tạo ra các góc tù phía trong và các góc nhọn phía trong. Ví dụ, đệm chèn 200 có thể bao gồm ít nhất góc tù 236 được tạo ra giữa mép thẳng phía dưới 222 và mép lõm trong 218, góc tù 238 được tạo ra giữa mép lõm phía trên thứ nhất 226 và mép thẳng phía trên 230, góc tù 240 được tạo ra giữa mép lõm phía trên thứ hai 228 và mép 234, góc tù 242 được tạo ra giữa mép thẳng ngoài 232 và mép lõm ngoài 220, và góc tù 244 được tạo ra giữa mép lõm ngoài 220 và mép thẳng phía dưới 222. Đệm chèn 200 có thể còn bao gồm ít nhất góc nhọn 246 được tạo ra giữa mép thẳng phía trên 230 và mép lõm phía trên thứ hai 228. Tương tự như đệm chèn 100, hình dạng chu vi 216 được mô tả cho đệm chèn 200 tạo ra hình dạng độc nhất mà cho phép đệm chèn 200 dễ khóa tại chỗ khi được chèn vào không gian túi của phần che ngực như được mô tả dưới đây.

FIG.3 minh họa hình vẽ của mặt quay ra ngoài của phần phía trước 310 của trang phục đỡ làm ví dụ ở dạng áo ngực 300 có đệm chèn 100 được đặt kiểu gờ ra được bên trong không gian túi của một trong số các phần che ngực của áo ngực 300. Ngoài phần phía trước 310, áo

ngực 300 còn bao gồm dây đeo vai thứ nhất và thứ hai 312 được tạo kết cấu để kéo dài qua vai của người mặc khi áo ngực 300 đang ở trạng thái được mặc. Áo ngực 300 còn bao gồm dải dưới 314 kéo dài từ mép dưới 311 của phần phía trước 310, trong đó dải dưới 314 được tạo kết cấu để bao quanh vùng thân của người mặc khi áo ngực 300 ở trạng thái được mặc. Theo các khía cạnh làm ví dụ, dải dưới 314 có thể bao gồm mảnh riêng biệt có mép trên được cố định bằng cách may, liên kết, và dạng tương tự vào mép dưới 311 của phần phía trước 310.

Theo một ví dụ khác, dải dưới 314 có thể bao gồm phần kéo dài không đường nối của phần phía trước 310. Phần phía trước 310 bao gồm phần che ngực thứ nhất 316 và phần che ngực thứ hai 318 tách biệt với phần che ngực thứ nhất 316 bởi vùng giữa 320 của áo ngực 300 trong đó vùng giữa 320 được tạo kết cấu để nằm chồng lên vùng ức của người mặc khi áo ngực 300 được mặc. Phần che ngực thứ nhất 316 được tạo kết cấu để gần như che ngực trái của người mặc khi áo ngực 300 ở trạng thái được mặc và nói chung kéo dài từ lỗ xỏ tay trái 317 đến vùng giữa 320 và từ mép cổ 319 của áo ngực 300 đến mép dưới 311 của phần phía trước 310. Tương tự, phần che ngực thứ hai 318 được tạo kết cấu để gần như che ngực phải của người mặc khi áo ngực 300 ở trạng thái được mặc và nói chung kéo dài từ lỗ xỏ tay phải 321 đến vùng giữa 320 và từ mép cổ 319 của áo ngực 300 đến mép dưới 311 của phần phía trước 310.

Theo các khía cạnh làm ví dụ, phần phía trước 310 của áo ngực 300 được tạo ra từ lớp vật liệu thứ nhất 322 mà tạo ra lớp trong cùng của cả phần che ngực thứ nhất 316 và phần che ngực thứ hai 318, và lớp vật liệu thứ hai 324 mà tạo ra lớp ngoài cùng của cả phần che ngực thứ nhất 316 và phần che ngực thứ hai 318. Dự tính ở đây là lớp vật liệu thứ nhất 322 có thể không được cố định với lớp vật liệu thứ hai 324 ngoại trừ một hoặc nhiều mép chu vi để tạo ra không gian giữa lớp vật liệu thứ nhất 322 và lớp vật liệu thứ hai 324. Không gian này có thể bao gồm không gian túi mà đệm chèn 100 được đặt kiểu gờ ra được vào đó.

Theo các khía cạnh làm ví dụ, cả lớp vật liệu thứ nhất 322 và lớp vật liệu thứ hai 324 có thể bao gồm vật liệu lưới dệt kim như lưới dệt kim sợi dọc. Việc sử dụng vật liệu lưới góp phần vào tính chất nhẹ của áo ngực 300 và còn làm cho áo ngực 300 có tính thấm và tính thoáng khí mà góp phần tổng thể vào độ thoải mái cho người mặc. Cũng như vậy, lớp vật liệu thứ nhất 322 và lớp vật liệu thứ hai 324 có thể bao gồm một hoặc nhiều sợi đàn hồi để tạo ra các tính chất kéo giãn và phục hồi cho lớp vật liệu thứ nhất 322 và lớp vật liệu thứ hai 324

làm cho áo ngực 300 dễ cởi và mặc. Ví dụ, lớp vật liệu thứ nhất 322 và lớp vật liệu thứ hai 324 có thể bao gồm khoảng 85% ni lông và 15% elastane, khoảng 90% ni lông và 10% elastane, hoặc khoảng 92% ni lông và 8% elastane. Việc sử dụng các sợi ni lông mà có tính chống mài mòn cao, góp phần tăng độ bền của áo ngực 300. Khả năng thu hồi hơi ẩm thấp của các sợi ni lông hỗ trợ chuyển động của hơi ẩm qua vật liệu bởi, ví dụ, hoạt động mao dẫn giữa các sợi và/hoặc giữa các tơ của các sợi riêng. Dự tính ở đây là các sợi khác, như polyeste, có thể được sử dụng theo các khía cạnh của sáng chế.

Theo một số khía cạnh làm ví dụ, một hoặc nhiều trong số lớp vật liệu thứ nhất 322 và lớp vật liệu thứ hai 324 có thể bao gồm lớp vật liệu kéo dài liền mạch từ lỗ xỏ tay trái 317 qua vùng giữa 320 đến lỗ xỏ tay phải 321 và từ mép cổ 319 đến mép dưới 311 của phần phía trước 310. Theo ví dụ này, lớp vật liệu thứ nhất 322 và lớp vật liệu thứ hai 324 có thể tùy ý được nối theo phương thẳng đứng với nhau bằng cách khâu, liên kết, và dạng tương tự ở vùng giữa 320 để xác định rõ hơn không gian túi như được mô tả dưới đây. Theo các khía cạnh làm ví dụ khác, một hoặc nhiều trong số lớp vật liệu thứ nhất 322 và lớp vật liệu thứ hai 324 có thể bao gồm mảnh thứ nhất kéo dài từ, ví dụ, lỗ xỏ tay trái 317 đến vùng giữa 320 và từ mép cổ 319 đến mép dưới 311 của phần phía trước 310, và mảnh thứ hai kéo dài từ lỗ xỏ tay phải 321 đến vùng giữa 320 và từ mép cổ 319 đến mép dưới 311 của phần phía trước 310. Khía cạnh bất kỳ và tất cả các khía cạnh, và bất kỳ biến thể nào của chúng, đều được coi là nằm trong các khía cạnh ở đây.

Dự tính ở đây là lớp vật liệu thứ nhất 322 và lớp vật liệu thứ hai 324 có thể có các hình dạng chu vi khác nhau. Ví dụ, như được thể hiện trên FIG.3, lớp vật liệu thứ hai 324 bao gồm phần cắt 326 ở mép dưới 311 của phần phía trước 310 và nối chung nằm ở vùng giữa 320 của áo ngực 300 trong đó phần cắt 326 kéo dài lên phía trên vào cả phần che ngực thứ nhất 316 và phần che ngực thứ hai 318. Theo các khía cạnh làm ví dụ, lớp vật liệu thứ nhất 322 có thể còn tùy ý bao gồm phần cắt có các mép trùng với phần cắt 326. Do đó, bề mặt da của người mặc có thể lộ ra ở khu vực phần cắt 326. Lớp vật liệu thứ hai 324 có thể còn bao gồm các phần cắt bên 328 liền kề với lỗ xỏ tay trái 317 và lỗ xỏ tay phải 321. Ở vị trí này, lớp vật liệu thứ nhất 322 có thể kéo dài đến và tạo ra hoặc xác định một phần lỗ xỏ tay trái 317 và lỗ xỏ tay phải 321. Theo các khía cạnh làm ví dụ, các phần cắt bên 328 có thể bao gồm các phần hở của túi thông với không gian giữa lớp vật liệu thứ nhất 322 và lớp vật liệu thứ hai 324.

Mỗi trong số phần che ngực thứ nhất 316 và phần che ngực thứ hai 318 bao gồm không gian túi được tạo ra giữa lớp vật liệu thứ nhất 322 và lớp vật liệu thứ hai 324. Các không gian túi tương ứng của phần che ngực thứ nhất 316 và phần che ngực thứ hai 318 có hình dạng chu vi được xác định bởi hai hoặc nhiều mép bao gồm hai hoặc nhiều mép lõm được ngăn cách bởi một hoặc nhiều mép thẳng. Ví dụ, đối với phần che ngực thứ nhất 316, không gian túi được xác định bởi mép lõm trong 330 được tạo ra bởi phần cắt 326 và mép lõm ngoài 332 đối diện với mép lõm trong 330 được tạo ra bởi phần cắt bên 328. Theo các khía cạnh làm ví dụ, mép lõm ngoài 332 tạo ra phần hở của túi cho không gian túi. Hình dạng chu vi của không gian túi bao gồm các mép phụ như mép dưới 311 của phần phía trước 310 trong đó mép dưới 311 kéo dài trực tiếp theo phương ngang từ mép lõm trong 330, mép cổ 319, và mép bên 334 kéo dài giữa mép lõm ngoài 332 và mép dưới 311. Một hoặc nhiều mép phụ có thể còn bao gồm mép thẳng trong 336 kéo dài giữa mép lõm trong 330 và mép cổ 319, và mép bên phía trên 338 kéo dài từ mép lõm ngoài 332 và có thể tạo ra mép của dây đeo vai 312. Một hoặc nhiều trong số các mép được mô tả ở trên có thể được tạo ra bằng cách cố định vào nhau lớp vật liệu thứ nhất 322 và lớp vật liệu thứ hai 324. Dự tính ở đây là mép lõm ngoài 332 được tạo ra bởi phần cắt bên 328 của lớp vật liệu thứ hai 324 không được cố định với lớp vật liệu phía trong 322 để tạo ra phần hở cho không gian túi.

Đệm chèn 100 được thể hiện được đặt kiểu gờ ra được bên trong không gian túi của phần che ngực thứ nhất 316. Nó được thể hiện dưới dạng nét đứt để biểu thị rằng nó nằm giữa giữa lớp vật liệu thứ nhất 322 và lớp vật liệu thứ hai 324. Khi được chèn, và như được thể hiện trên FIG.3, mép lõm trong 118 của đệm chèn 100 được căn thẳng với mép lõm trong 330 của không gian túi, và mép lõm ngoài 120 của đệm chèn 100 được căn thẳng với mép lõm ngoài 332 của không gian túi. Mép thẳng phía dưới 122 của đệm chèn 100 được căn thẳng với mép dưới 311 của phần phía trước 310 của áo ngực 300 và còn được căn thẳng với mép trên của dải dưới 314, và mép lõm phía trên 126 của đệm chèn 100 được căn thẳng với mép cổ 319 của phần phía trước 310 của áo ngực 300. Mép thẳng ngoài phía dưới 130 của đệm chèn 100 được căn thẳng với mép bên 334 của không gian túi, mép thẳng trong 124 của đệm chèn 100 được căn thẳng với mép thẳng trong 336 của không gian túi, và mép ngoài phía trên 128 của đệm chèn 100 được căn thẳng với mép bên phía trên 338 của không gian túi.

Như được thể hiện, hình dạng chu vi 116 của đệm chèn 100 là gần như giống hình dạng chu vi của không gian túi của phần che ngực thứ nhất 316. Như được sử dụng ở đây, thuật ngữ

“gần như giống” có nghĩa là các hình dạng chu vi có cùng kết cấu hình học nhưng có thể có kích thước hơi khác nhau. Ví dụ, các mép tạo ra hình dạng chu vi của không gian túi có thể hơi dài hơn so với các mép tạo ra hình dạng chu vi của đệm chèn 100 để đệm chèn 100 có thể nằm bên trong không gian túi mà không bị oằn hoặc gập. Việc có các hình dạng chu vi của đệm chèn 100 và không gian túi của phần che ngực thứ nhất 316 gần như giống nhau, việc đặt đệm chèn 100 bên trong không gian túi sao cho các hình dạng chu vi căn thẳng hoặc tương ứng với nhau, và tạo kết cấu các hình dạng chu vi của mỗi trong số chúng để bao gồm nhiều mép bao gồm mép thẳng và mép lõm giúp khóa đệm chèn 100 tại chỗ khi nằm bên trong không gian túi của phần che ngực thứ nhất 316. Mặc dù không được thể hiện, đệm chèn mà là hình ảnh phản chiếu của đệm chèn 100 có thể được chèn kiểu gờ ra được vào không gian túi của phần che ngực thứ hai 318 và được căn chỉnh tương tự như được mô tả cho đệm chèn 100.

FIG.4 minh họa hình vẽ của mặt quay ra ngoài của phần phía trước 410 của trang phục đỡ làm ví dụ ở dạng áo ngực 400 có đệm chèn 200 được đặt kiểu gờ ra được bên trong không gian túi của một trong số các phần che ngực của áo ngực 400. Ngoài phần phía trước 410, áo ngực 400 còn bao gồm dây đeo vai thứ nhất và thứ hai 412 được tạo kết cấu để kéo dài qua vai của người mặc khi áo ngực 400 đang ở trạng thái được mặc. Áo ngực 400 còn bao gồm dải dưới 414 kéo dài từ mép dưới 411 của phần phía trước 410, trong đó dải dưới 414 được tạo kết cấu để bao quanh vùng thân của người mặc khi áo ngực 400 ở trạng thái được mặc. Theo các khía cạnh làm ví dụ, dải dưới 414 có thể bao gồm mảnh riêng biệt được cố định bằng cách may, liên kết, và dạng tương tự vào mép dưới 411 của phần phía trước 410. Theo một ví dụ khác, dải dưới 414 có thể bao gồm phần kéo dài không đường nối của phần phía trước 410.

Phần phía trước 410 bao gồm phần che ngực thứ nhất 416 và phần che ngực thứ hai 418 tách biệt với phần che ngực thứ nhất 416 bởi vùng giữa 420 của áo ngực 400 trong đó vùng giữa 420 được tạo kết cấu để chông lên vùng ức của người mặc khi áo ngực 400 được mặc. Phần che ngực thứ nhất 416 được tạo kết cấu để gần như che ngực trái của người mặc khi áo ngực 400 ở trạng thái được mặc và nối chung kéo dài từ lỗ xỏ tay trái 417 đến vùng giữa 420 và từ mép cổ 419 của áo ngực 400 đến mép dưới 411 của phần phía trước 410. Tương tự, phần che ngực thứ hai 418 được tạo kết cấu để gần như che ngực phải của người mặc khi áo ngực 400 ở trạng thái được mặc và nối chung kéo dài từ lỗ xỏ tay phải 421 đến vùng giữa 420 và từ mép cổ 419 của áo ngực 400 đến mép dưới 411 của phần phía trước 410.

Tương tự như áo ngực 300, phần phía trước 410 của áo ngực 400 được tạo ra từ lớp vật liệu thứ nhất 422 mà tạo ra lớp trong cùng của cả phần che ngực thứ nhất 416 và phần che ngực thứ hai 418, và lớp vật liệu thứ hai 424 mà tạo ra lớp ngoài cùng của cả phần che ngực thứ nhất 416 và phần che ngực thứ hai 418. Dự tính ở đây là lớp vật liệu thứ nhất 422 có thể không được cố định với lớp vật liệu thứ hai 424 ngoại trừ một hoặc nhiều mép chu vi để tạo ra không gian giữa lớp vật liệu thứ nhất 422 và lớp vật liệu thứ hai 424. Không gian này có thể bao gồm không gian túi mà đệm chèn 200 được đặt kiểu gờ ra được vào đó. Lớp vật liệu thứ nhất 422 và lớp vật liệu thứ hai 424 có thể có cùng vật liệu tạo thành như lớp vật liệu thứ nhất 322 và lớp vật liệu thứ hai 324 của áo ngực 300.

Theo một số khía cạnh làm ví dụ, một hoặc nhiều trong số lớp vật liệu thứ nhất 422 và lớp vật liệu thứ hai 424 có thể bao gồm lớp vật liệu kéo dài liền mạch từ lỗ xỏ tay trái 417 qua vùng giữa 420 đến lỗ xỏ tay phải 421 và từ mép cổ 419 đến mép dưới 411 của phần phía trước 410. Theo ví dụ này, lớp vật liệu thứ nhất 422 và lớp vật liệu thứ hai 424 có thể được nối theo phương thẳng đứng với nhau một cách tùy ý bằng cách khâu, liên kết, và dạng tương tự ở vùng giữa 420 để xác định rõ hơn không gian túi như được mô tả dưới đây. Theo các khía cạnh làm ví dụ khác, một hoặc nhiều trong số lớp vật liệu thứ nhất 422 và lớp vật liệu thứ hai 424 có thể bao gồm mảnh thứ nhất kéo dài từ, ví dụ, lỗ xỏ tay trái 417 đến vùng giữa 420 và từ mép cổ 419 đến mép dưới 411 của phần phía trước 410, và mảnh thứ hai kéo dài từ lỗ xỏ tay phải 421 đến vùng giữa 420 và từ mép cổ 419 đến mép dưới 411 của phần phía trước 410. Khía cạnh bất kỳ và tất cả các khía cạnh, và bất kỳ biến thể nào của chúng, đều được coi là nằm trong các khía cạnh ở đây.

Như được thể hiện, lớp vật liệu thứ hai 424 có thể có hình dạng chu vi khác với lớp vật liệu thứ nhất 422. Ví dụ, như được thể hiện trên FIG.4, lớp vật liệu thứ hai 424 có thể bao gồm phần cắt 426 ở mép dưới 411 của phần phía trước 410 và nói chung nằm ở vùng giữa 420 của áo ngực 400 trong đó phần cắt 426 kéo dài lên phía trên vào phần che ngực thứ nhất 416 và phần che ngực thứ hai 418. Lớp vật liệu thứ hai 424 có thể còn bao gồm các phần cắt bên phía dưới 428 liền kề với mép dưới 411 của phần phía trước 410, các phần cắt bên phía trên 430 nằm liền kề với và phía dưới dây đeo vai thứ nhất và thứ hai 412, và các phần cắt trong phía trên 432 nằm liền kề với mép cổ 419 và vùng giữa 420. Theo các khía cạnh làm ví dụ, các phần cắt bên phía trên 430 có thể bao gồm các phần hở của túi thông với không gian giữa lớp vật liệu thứ nhất 422 và lớp vật liệu thứ hai 424.

Mỗi trong số phần che ngực thứ nhất 416 và phần che ngực thứ hai 418 bao gồm không gian túi được tạo ra giữa lớp vật liệu thứ nhất 422 và lớp vật liệu thứ hai 424. Các không gian túi tương ứng của phần che ngực thứ nhất 416 và phần che ngực thứ hai 418 có hình dạng chu vi được xác định bởi hai hoặc nhiều mép và bao gồm, ví dụ, hai hoặc nhiều mép lõm được ngăn cách bởi một hoặc nhiều mép thẳng. Ví dụ, đối với phần che ngực thứ nhất 416, không gian túi được xác định bởi mép lõm trong 434 được tạo ra bởi phần cắt 426 và mép lõm ngoài 436 đối diện với mép lõm trong 434 được tạo ra bởi phần cắt bên phía dưới 428. Hình dạng chu vi của không gian túi bao gồm các mép phụ như mép dưới 411 của phần phía trước 410 trong đó mép dưới 411 kéo dài trực tiếp theo phương ngang giữa mép lõm trong 434 và mép lõm ngoài 436, mép cổ 419, mép bên 438 kéo dài trực tiếp lên phía trên từ mép lõm ngoài 436, và mép thẳng trong 440 kéo dài trực tiếp lên phía trên từ mép lõm trong 434. Các mép phụ bao gồm mép lõm phía trên thứ nhất 442 được tạo ra bởi phần cắt trong phía trên 432 và mép lõm phía trên thứ hai 444 được tạo ra bởi phần cắt bên phía trên 430; mép cổ 419 của không gian túi kéo dài giữa mép lõm phía trên thứ nhất 442 và mép lõm phía trên thứ hai 444. Không gian túi có thể bao gồm mép phụ 446 kéo dài giữa mép lõm phía trên thứ hai 444 và mép bên 438. Một hoặc nhiều trong số các mép được mô tả ở trên có thể được tạo ra bằng cách cố định vào nhau lớp vật liệu thứ nhất 422 và lớp vật liệu thứ hai 424. Dự tính ở đây là mép lõm phía trên thứ hai 444 được tạo ra bởi phần cắt bên phía trên 430 của lớp vật liệu thứ hai 424 không được cố định với lớp vật liệu phía trong 422 để tạo ra phần hở cho không gian túi.

Đệm chèn 200 được thể hiện được đặt kiểu gờ ra được bên trong không gian túi của phần che ngực thứ nhất 416. Nó được thể hiện dưới dạng nét đứt để biểu thị rằng nó nằm giữa giữa lớp vật liệu thứ nhất 422 và lớp vật liệu thứ hai 424. Khi được chèn, và như được thể hiện trên FIG.4, mép lõm trong 218 của đệm chèn 200 được căn thẳng với mép lõm trong 434 của không gian túi của phần che ngực thứ nhất 416, mép lõm ngoài 220 của đệm chèn 200 được căn thẳng với mép lõm ngoài 436 của không gian túi của phần che ngực thứ nhất 416, và mép thẳng phía dưới 222 của đệm chèn 200 được căn thẳng với mép dưới 411 của phần phía trước 410 của áo ngực 400 và còn được căn thẳng với mép trên của dải dưới 414. Cũng như vậy, mép thẳng trong 224 của đệm chèn 200 được căn thẳng với mép thẳng trong 440 của không gian túi của phần che ngực thứ nhất, và mép thẳng ngoài 232 được căn thẳng với mép bên 438 của không gian túi của phần che ngực thứ nhất 416. Ngoài ra, mép lõm phía trên thứ nhất 226 của đệm chèn 200 được căn thẳng với mép lõm phía trên thứ nhất 442 của không

gian túi của phần che ngực thứ nhất 416, mép lõm phía trên thứ hai 228 của đệm chèn 200 được căn thẳng với mép lõm phía trên thứ hai 444 của không gian túi của phần che ngực thứ nhất 416, và mép thẳng phía trên 230 của đệm chèn 200 được căn thẳng với mép cổ 419 của phần phía trước 410 của áo ngực 400. Cuối cùng, mép 234 của đệm chèn 200 được căn thẳng với mép 446 của không gian túi của phần che ngực thứ nhất 416.

Như được thể hiện, hình dạng chu vi 216 của đệm chèn 200 là gần như giống hình dạng chu vi của không gian túi của phần che ngực thứ nhất 416. Tương tự như đệm chèn 100 và áo ngực 300, có các hình dạng chu vi của đệm chèn 200 và không gian túi của phần che ngực thứ nhất 416 gần như giống nhau, việc đặt đệm chèn 200 bên trong không gian túi sao cho các hình dạng chu vi căn thẳng hoặc tương ứng, và việc tạo kết cấu các hình dạng chu vi của mỗi trong số chúng bao gồm nhiều mép bao gồm mép thẳng và mép lõm giúp khóa đệm chèn 200 tại chỗ khi nằm bên trong không gian túi của phần che ngực thứ nhất 416. Mặc dù không được thể hiện, đệm chèn mà là hình ảnh phản chiếu của đệm chèn 200 có thể được chèn kiểu gỡ ra được vào không gian túi của phần che ngực thứ hai 418 và được căn chỉnh tương tự như được mô tả cho đệm chèn 200.

FIG.5 minh họa mặt cắt của phần che ngực thứ nhất 316 của áo ngực 300 lấy dọc theo đường cắt 5-5. Mặt cắt của phần che ngực thứ nhất 416 của áo ngực 400 sẽ là tương tự. Như được thể hiện trên FIG.5, đệm chèn 100 nằm bên trong không gian túi 510 giữa lớp vật liệu thứ nhất 322 và lớp vật liệu thứ hai 324. Dự tính ở đây là đệm chèn 100 không được cố định với lớp vật liệu thứ nhất 322 hoặc lớp vật liệu thứ hai 324 sao cho nó có thể được chèn và gỡ ra khỏi không gian túi 510.

FIG.6A và FIG.6B minh họa hai hình vẽ phía sau làm ví dụ của áo ngực 300 hoặc áo ngực 400. Sử dụng áo ngực 300 làm một ví dụ, FIG.6A minh họa kết cấu trong đó các dây đeo vai 312 duy trì trạng thái tách biệt khi chúng kéo dài qua, ví dụ, lưng của người mặc trước khi nối phần lưng 612 của áo ngực 300. Dải dưới 314 kéo dài từ mép dưới của phần lưng 612. Trên FIG.6B, các dây đeo vai 312 nối với nhau ở khu vực lưng trung tâm trước khi nối phần lưng 622 của áo ngực 300. Dải dưới 314 kéo dài từ mép dưới của phần lưng 622. Đây chỉ là hai kết cấu làm ví dụ và nhiều kết cấu dây đeo vai và lưng khác được dự tính ở đây.

FIG.7 minh họa người mặc làm ví dụ 710 mặc áo ngực 300 và chèn kiểu gỡ ra được đệm chèn 100 vào không gian túi của phần che ngực thứ nhất 316. Như được thể hiện, đệm

chèn 100 được chèn nhờ phần hở của túi được tạo ra bởi mép lõm ngoài 332 của phần che ngực thứ nhất 316. Các mép chu vi của đệm chèn 100 được căn thẳng với các mép của không gian túi của phần che ngực thứ nhất 316 để khóa đệm chèn 100 tại chỗ và ngăn xô dịch và xoay trong quá trình mặc và giặt. Đệm chèn 100 có thể được chèn kiểu gỡ ra được khi cần thêm sự nhả nhận và/hoặc khả năng đỡ. Đệm chèn 100 có thể được gỡ ra nhờ phần hở của túi được tạo ra bởi mép lõm ngoài 332 của phần che ngực thứ nhất 316 khi không còn cần đến nữa.

FIG.8 minh họa người mặc làm ví dụ 810 mặc áo ngực 400 và chèn kiểu gỡ ra được đệm chèn 200 vào không gian túi của phần che ngực thứ nhất 416. Như được thể hiện, đệm chèn 200 được chèn nhờ phần hở của túi được tạo ra bởi mép lõm phía trên thứ hai 444 của phần che ngực thứ nhất 416 mặc dù dự tính ở đây rằng đệm chèn 200 có thể được chèn nhờ một trong số phần cắt khác của lớp vật liệu thứ hai 424. Các mép chu vi của đệm chèn 200 được căn thẳng với các mép của không gian túi của phần che ngực thứ nhất 416 để khóa đệm chèn 200 tại chỗ và ngăn xô dịch và xoay trong quá trình mặc và giặt. Đệm chèn 200 có thể được chèn kiểu gỡ ra được khi cần thêm sự nhả nhận và/hoặc khả năng đỡ. Đệm chèn 200 có thể được gỡ ra nhờ phần hở của túi được tạo ra bởi mép lõm phía trên thứ hai 444 của phần che ngực thứ nhất 416 khi không còn cần đến nữa.

FIG.9 minh họa đệm chèn một mảnh 900. Đệm chèn một mảnh 900 được tạo kết cấu để cùng lúc che cả ngực phải và ngực trái của người mặc cũng như không gian giữa ngực phải và ngực trái khi nằm bên trong không gian túi của áo ngực như áo ngực 300. Đệm chèn một mảnh 900 bao gồm phần bên phải 910 và phần bên trái 912 kéo dài liên khối với nhau và bao gồm kết cấu đồng nhất. Phần bên phải 910 được tạo kết cấu để che ngực phải của người mặc, và phần bên trái được tạo kết cấu để che ngực trái của người mặc. Tương tự như đệm chèn 100, đệm chèn một mảnh 900 có thể được tạo ra từ vật liệu bọt có độ dày đều và có các lỗ 905 kéo dài qua chiều dày của đệm chèn một mảnh 900. Đệm chèn một mảnh 900 có thể còn bao gồm vật liệu lưới 907 được chồng lớp lên mặt thứ nhất của đệm chèn một mảnh 900 như được thể hiện, vào mặt đối diện thứ hai của đệm chèn một mảnh 900, hoặc vào cả mặt thứ nhất và mặt thứ hai của đệm chèn một mảnh 900.

Cũng tương tự như đệm chèn 100, mỗi trong số phần bên phải 910 và phần bên trái 912 của đệm chèn một mảnh 900 bao gồm mép lõm trong 914 và mép lõm ngoài 916 đối diện với

mép lõm trong 914. Như được mô tả dưới đây, đệm chèn một mảnh 900 bao gồm các mép phụ kéo dài từ mép lõm trong 914 và mép lõm ngoài 916 để tạo ra hình dạng chu vi của đệm chèn một mảnh 900. Ví dụ, cả phần bên phải 910 và phần bên trái 912 của đệm chèn một mảnh 900 bao gồm mép lõm phía trên 918 và mép thẳng phía dưới 920 đối diện với mép lõm phía trên 918. Theo các khía cạnh làm ví dụ, mép thẳng phía dưới 920 kéo dài trực tiếp từ mép lõm trong 914 của mỗi trong số phần bên phải 910 và phần bên trái 912. Các mép phụ cho mỗi trong số phần bên phải 910 và phần bên trái 912 của đệm chèn một mảnh 900 có thể còn bao gồm mép ngoài phía trên 922 kéo dài giữa mép lõm ngoài 916 và mép lõm phía trên 918, và mép dưới ngoài 924 kéo dài giữa mép lõm ngoài 916 và mép thẳng phía dưới 920. Đệm chèn một mảnh 900 có thể còn bao gồm hai hoặc nhiều góc tù như góc tù 926 được tạo ra bởi phần giao cắt của mép ngoài phía trên 922 và mép lõm ngoài 916 cho mỗi trong số phần bên phải 910 và phần bên trái 912. Đệm chèn một mảnh 900 có thể còn bao gồm hai hoặc nhiều góc nhọn như góc nhọn 928 được tạo ra bởi phần giao cắt của mép lõm phía trên 918 và mép ngoài phía trên 922 cho mỗi trong số phần bên phải 910 và phần bên trái 912.

Theo các khía cạnh làm ví dụ, đệm chèn một mảnh 900 có thể được sử dụng trong áo ngực 300. Theo ví dụ này, không gian túi được tạo ra giữa lớp vật liệu thứ nhất 322 và lớp vật liệu thứ hai 324 có thể bao gồm không gian túi liền mạch kéo dài giữa lỗ xỏ tay trái 317 và lỗ xỏ tay phải 321 và qua vùng giữa 320 của áo ngực 300. Ví dụ, đệm chèn một mảnh 900 có thể được chèn vào áo ngực 300 nhờ một trong số các phần cắt bên 328 nằm ở phía bên phải và/hoặc phía bên trái của áo ngực 300. Tương tự như được mô tả cho đệm chèn 100, các mép khác nhau của đệm chèn một mảnh 900 căn thẳng với các mép khác nhau của không gian túi. Ví dụ, cho mỗi trong số phần bên phải 910 và phần bên trái 912 của đệm chèn một mảnh 900, mép lõm trong 914 của đệm chèn một mảnh 900 được căn thẳng với các mép lõm trong 330 của không gian túi, và mép lõm ngoài 916 của đệm chèn một mảnh 900 được căn thẳng với các mép lõm bên 332 của không gian túi. Mép thẳng phía dưới 920 của đệm chèn một mảnh 900 được căn thẳng với mép dưới 311 của phần phía trước 310 của áo ngực 300 và còn được căn thẳng với mép trên của dải dưới 314, và mép lõm phía trên 918 của đệm chèn một mảnh 900 được căn thẳng với mép cổ 319 của phần phía trước 310 của áo ngực 300. Mép dưới ngoài 924 của đệm chèn một mảnh 900 được căn thẳng với các mép bên 334 của không gian túi, và mép ngoài phía trên 922 của đệm chèn một mảnh 900 được căn thẳng với mép bên phía trên 338 của không gian túi.

Như được thể hiện, hình dạng chu vi của đệm chèn một mảnh 900 là gần như giống hình dạng chu vi của không gian túi của phần che ngực thứ nhất 316 và phần che ngực thứ hai 318. Bằng cách có hình dạng chu vi của đệm chèn một mảnh 900 và không gian túi của phần che ngực thứ nhất 316 và phần che ngực thứ hai 318 gần như giống nhau, việc đặt đệm chèn một mảnh 900 bên trong không gian túi sao cho các hình dạng chu vi căn thẳng hoặc tương ứng, và việc tạo kết cấu các hình dạng chu vi của mỗi trong số chúng bao gồm nhiều mép bao gồm mép thẳng và mép lõm giúp khóa đệm chèn một mảnh 900 tại chỗ khi nằm bên trong không gian túi của phần che ngực thứ nhất 316 và phần che ngực thứ hai 318.

FIG.10 minh họa đệm chèn một mảnh làm ví dụ thứ hai 1000. Đệm chèn một mảnh 1000 được tạo kết cấu để cùng lúc che cả ngực phải và ngực trái của người mặc cũng như không gian giữa ngực phải và ngực trái khi nằm bên trong không gian túi của áo ngực như áo ngực 400. Đệm chèn một mảnh 1000 bao gồm phần bên phải 1010 được tạo kết cấu để che ngực phải của người mặc và phần bên trái 1012 được tạo kết cấu để che ngực trái của người mặc kéo dài liền khối với nhau và bao gồm kết cấu đồng nhất. Đệm chèn một mảnh 1000 có thể được tạo ra từ vật liệu bọt có độ dày đều và có các lỗ 1005 kéo dài qua chiều dày của đệm chèn một mảnh 1000. Đệm chèn một mảnh 1000 có thể còn bao gồm vật liệu lưới 1007 được dát mỏng trên mặt thứ nhất của đệm chèn một mảnh 1000 như được thể hiện, mặt đối diện thứ hai của đệm chèn một mảnh 1000, hoặc cả mặt thứ nhất và mặt thứ hai của đệm chèn một mảnh 1000.

Cũng tương tự như đệm chèn 100, mỗi trong số phần bên phải 1010 và phần bên trái 1012 của đệm chèn một mảnh 1000 bao gồm mép lõm trong 1014 và mép lõm ngoài 1016 đối diện với mép lõm trong 1014. Như được mô tả dưới đây, đệm chèn một mảnh 1000 bao gồm các mép phụ kéo dài từ mép lõm trong 1014 và mép lõm ngoài 1016 để tạo ra hình dạng chu vi của đệm chèn một mảnh 1000. Ví dụ, cả phần bên phải 1010 và phần bên trái 1012 của đệm chèn một mảnh 1000 bao gồm mép thẳng phía dưới 1018 kéo dài trực tiếp theo phương ngang giữa mép lõm trong 1014 và mép lõm ngoài 1016. Cả phần bên phải 1010 và phần bên trái 1012 của đệm chèn một mảnh 1000 có thể còn có mép lõm phía trên thứ nhất 1020 và mép lõm phía trên thứ hai 1022. Mép lõm phía trên thứ nhất 1020 và mép lõm phía trên thứ hai 1022 được nối bởi mép thẳng phía trên 1024. Cả phần bên phải 1010 và phần bên trái 1012 của đệm chèn một mảnh 1000 còn bao gồm mép thẳng ngoài 1026 kéo dài trực tiếp lên phía trên từ mép lõm ngoài 1016. Mép 1028, mà có thể thẳng hoặc lõm, nối mép thẳng ngoài 1026

đến mép lõm phía trên thứ hai 1022 để hoàn thiện hình dạng chu vi của đệm chèn một mảnh 1000. Đệm chèn một mảnh 1000 có thể còn bao gồm hai hoặc nhiều góc tù như góc tù 1030 được tạo ra bởi phần giao cắt của mép lõm phía trên thứ nhất 1020 và mép thẳng phía trên 1024 cho mỗi trong số phần bên phải 1010 và phần bên trái 1012. Đệm chèn một mảnh 1000 có thể còn bao gồm hai hoặc nhiều góc nhọn như góc nhọn 1032 được tạo ra bởi phần giao cắt của mép lõm phía trên thứ hai 1022 và mép thẳng phía trên 1024 cho mỗi trong số phần bên phải 1010 và phần bên trái 1012.

Theo các khía cạnh làm ví dụ, đệm chèn một mảnh 1000 có thể được sử dụng trong áo ngực 400. Theo ví dụ này, không gian túi được tạo ra giữa lớp vật liệu thứ nhất 422 và lớp vật liệu thứ hai 424 có thể bao gồm không gian túi liền mạch kéo dài giữa lỗ xỏ tay trái 417 và lỗ xỏ tay phải 421 và qua vùng giữa 420 của áo ngực 400. Ví dụ, đệm chèn một mảnh 1000 có thể được chèn vào áo ngực 400 nhờ một trong số các phần cắt bên phía trên 430 nằm ở phía bên phải và/hoặc phía bên trái của áo ngực 400. Tương tự như được mô tả cho đệm chèn một mảnh 900, các mép khác nhau của đệm chèn một mảnh 1000 căn thẳng với các mép khác nhau của không gian túi. Ví dụ, đối với mỗi trong số phần bên phải 1010 và phần bên trái 1012 của đệm chèn một mảnh 1000, mép lõm trong 1014 của đệm chèn một mảnh 1000 được căn thẳng với mép lõm trong 434 của không gian túi của phần che ngực thứ nhất 416 và phần che ngực thứ hai 418, mép lõm ngoài 1016 của đệm chèn một mảnh 1000 được căn thẳng với mép lõm ngoài 436 của không gian túi của phần che ngực thứ nhất 416 và phần che ngực thứ hai 418, và mép thẳng phía dưới 1018 của đệm chèn một mảnh 1000 được căn thẳng với mép dưới 411 của phần phía trước 410 của áo ngực 400 và còn được căn thẳng với mép trên của dải dưới 414. Cũng như vậy, mép thẳng ngoài 1026 được căn thẳng với mép bên 438 của không gian túi của phần che ngực thứ nhất 416 và phần che ngực thứ hai 418. Ngoài ra, mép lõm phía trên thứ nhất 1020 của đệm chèn một mảnh 1000 được căn thẳng với mép lõm phía trên thứ nhất 442 của không gian túi của phần che ngực thứ nhất 416 và phần che ngực thứ hai 418, mép lõm phía trên thứ hai 1022 của đệm chèn một mảnh 1000 được căn thẳng với mép lõm phía trên thứ hai 444 của không gian túi của phần che ngực thứ nhất 416 và phần che ngực thứ hai 418, và mép thẳng phía trên 1024 của đệm chèn một mảnh 1000 được căn thẳng với mép cổ 419 của phần phía trước 410 của áo ngực 400. Cuối cùng, mép 1028 của đệm chèn một mảnh 1000 được căn thẳng với mép 446 của không gian túi của phần che ngực thứ nhất 416 và phần che ngực thứ hai 418.

Như được thể hiện, hình dạng chu vi của đệm chèn một mảnh 1000 là gần như giống hình dạng chu vi của không gian túi của phần che ngực thứ nhất 416 và phần che ngực thứ hai 418. Việc có các hình dạng chu vi của đệm chèn một mảnh 1000 và không gian túi của phần che ngực thứ nhất 416 và phần che ngực thứ hai 418 gần như giống nhau, việc đặt đệm chèn một mảnh 1000 bên trong không gian túi sao cho các hình dạng chu vi căn thẳng hoặc tương ứng, và việc tạo kết cấu các hình dạng chu vi của mỗi trong số chúng bao gồm nhiều mép bao gồm mép thẳng và mép lõm giúp khóa đệm chèn một mảnh 1000 tại chỗ khi nằm bên trong không gian túi của phần che ngực thứ nhất 416 và phần che ngực thứ hai 418.

FIG.11 minh họa lưu đồ của phương pháp làm ví dụ 1100 để sản xuất đệm chèn, như đệm chèn 100, đệm chèn 200, đệm chèn một mảnh 900, và/hoặc đệm chèn một mảnh 1000 để sử dụng trong phần che ngực của áo ngực, như áo ngực 300 hoặc áo ngực 400. Ở bước 1110, đệm chèn được tạo ra để có ít nhất mép lõm trong như mép lõm trong 118 của đệm chèn 100, mép lõm trong 218 của đệm chèn 200, mép lõm trong 914 của đệm chèn một mảnh 900, hoặc mép lõm trong 1014 của đệm chèn một mảnh 1000. Bước 1110 còn bao gồm tạo ra đệm chèn để bao gồm mép lõm ngoài như mép lõm ngoài 120 của đệm chèn 100, mép lõm ngoài 220 của đệm chèn 200, mép lõm ngoài 916 của đệm chèn một mảnh 900, hoặc mép lõm ngoài 1016 của đệm chèn một mảnh 1000. Bước 1110 có thể bao gồm tạo ra các mép phụ để hoàn thiện hình dạng chu vi của đệm chèn.

Theo các khía cạnh làm ví dụ, đệm chèn được tạo ra bởi quy trình đúc phun sử dụng vật liệu bọt như vật liệu bọt polyuretan. Đệm chèn có thể được tạo ra để bao gồm các lỗ như các lỗ 112, 212, 905, hoặc 1005 của các đệm chèn 100, 200, 900 hoặc 1000 tương ứng. Theo một khía cạnh làm ví dụ khác, các lỗ có thể được tạo ra trong bước tạo hình sau bằng cách sử dụng cắt laze, cắt khuôn, cắt bằng súng nước, và dạng tương tự. Còn dự tính ở đây rằng vật liệu lưới có thể được chồng lớp lên một hoặc cả hai mặt của đệm chèn để giúp bảo vệ vật liệu bọt của đệm chèn trong quá trình mặc bình thường và giặt. Theo các khía cạnh làm ví dụ, các mép của đệm chèn có thể được làm phẳng bằng cách sử dụng quy trình ép để tạo ra thiết kế tron khi đệm chèn nằm bên trong không gian túi của phần che ngực của áo ngực.

Các mục sau đây thể hiện các khía cạnh làm ví dụ về các ý tưởng được thiết kế ở đây. Mục bất kỳ trong số các mục sau đây có thể được kết hợp theo nhiều cách độc lập để phụ thuộc vào một hoặc nhiều mục khác. Ngoài ra, kết hợp bất kỳ của các mục phụ thuộc (các mục

mà phụ thuộc rõ ràng vào các mục khác) có thể được kết hợp trong khi vẫn nằm trong phạm vi của các khía cạnh được thiết kế ở đây. Các mục sau là ví dụ và không giới hạn.

Mục 1. Đệm chèn dùng cho phần che ngực của áo ngực, trong đó đệm chèn này bao gồm: mép lõm trong; mép lõm ngoài đối diện với mép lõm trong; và một hoặc nhiều mép phụ kéo dài từ mép lõm trong và mép lõm ngoài để tạo ra hình dạng chu vi cho đệm chèn.

Mục 2. Đệm chèn dùng cho phần che ngực của áo ngực theo mục 1, trong đó một hoặc nhiều mép phụ bao gồm mép lõm phía trên và mép thẳng phía dưới đối diện với mép lõm phía trên.

Mục 3. Đệm chèn dùng cho phần che ngực của áo ngực theo mục 2, trong đó mép thẳng phía dưới kéo dài trực tiếp từ mép lõm trong.

Mục 4. Đệm chèn dùng cho phần che ngực của áo ngực theo mục bất kỳ trong số các mục từ 1 đến 3, trong đó mép thẳng trong kéo dài trực tiếp từ mép lõm trong.

Mục 5. Đệm chèn dùng cho phần che ngực của áo ngực theo mục bất kỳ trong số các mục từ 1 đến 4, trong đó hình dạng chu vi của đệm chèn bao gồm hai hoặc nhiều góc tù.

Mục 6. Đệm chèn dùng cho phần che ngực của áo ngực theo mục bất kỳ trong số các mục từ 1 đến 5, trong đó hình dạng chu vi của đệm chèn bao gồm ít nhất một góc nhọn.

Mục 7. Đệm chèn dùng cho phần che ngực của áo ngực theo mục bất kỳ trong số các mục từ 1 đến 6, trong đó đệm chèn này bao gồm vật liệu bọt có các lỗ.

Mục 8. Đệm chèn dùng cho phần che ngực của áo ngực theo mục bất kỳ trong số các mục từ 1 đến 7, trong đó đệm chèn này còn bao gồm vật liệu lưới được chồng lớp lên mặt thứ nhất của đệm chèn.

Mục 9. Cơ cấu áo ngực bao gồm: áo ngực bao gồm: phần che ngực thứ nhất được tạo ra bởi ít nhất lớp vật liệu thứ nhất và lớp vật liệu thứ hai tiếp xúc mặt với lớp vật liệu thứ nhất để xác định không gian túi giữa chúng, trong đó không gian túi được xác định bởi hình dạng chu vi bao gồm mép lõm trong, mép lõm ngoài đối diện với mép lõm trong, và một hoặc nhiều mép phụ kéo dài từ mép lõm trong và mép lõm ngoài, và phần hở của túi thông với không gian túi; và đệm chèn được đặt kiểu gờ ra được trong không gian túi của phần che ngực thứ nhất, trong đó đệm chèn này bao gồm mép lõm trong, mép lõm ngoài đối diện với mép lõm trong, và một hoặc nhiều mép phụ kéo dài từ mép lõm trong và mép lõm ngoài, trong đó mép

lõm trong của đệm chèn căn thẳng với mép lõm trong của không gian túi và mép lõm ngoài của đệm chèn căn thẳng với mép lõm ngoài của không gian túi.

Mục 10. Cơ cấu áo ngực theo mục 9, trong đó một hoặc nhiều mép phụ của đệm chèn căn thẳng với một hoặc nhiều mép phụ của không gian túi.

Mục 11. Cơ cấu áo ngực theo điều bất kỳ trong số các điều từ 9 đến 10, trong đó áo ngực này còn bao gồm: phần che ngực thứ hai mà cùng với phần che ngực thứ nhất tạo ra phần phía trước của áo ngực; dây đeo vai thứ nhất kéo dài từ phần che ngực thứ nhất; và dây đeo vai thứ hai kéo dài từ phần che ngực thứ hai.

Mục 12. Cơ cấu áo ngực theo điều bất kỳ trong số các điều từ 9 đến 11, trong đó một hoặc nhiều mép phụ của đệm chèn bao gồm mép lõm phía trên và mép thẳng phía dưới đối diện với mép lõm phía trên.

Mục 13. Cơ cấu áo ngực theo mục 12, trong đó mép thẳng phía dưới của đệm chèn căn thẳng với mép của dải dưới kéo dài từ mép dưới của áo ngực.

Mục 14. Cơ cấu áo ngực theo điều bất kỳ trong số các điều từ 12 đến 13, trong đó mép thẳng phía dưới của đệm chèn kéo dài trực tiếp từ mép lõm trong của đệm chèn.

Mục 15. Cơ cấu áo ngực theo điều bất kỳ trong số các điều từ 9 đến 14, trong đó lớp vật liệu thứ nhất tạo ra lớp trong cùng của phần che ngực thứ nhất, và trong đó lớp vật liệu thứ nhất bao gồm kết cấu lưới dệt kim.

Mục 16. Cơ cấu áo ngực theo điều bất kỳ trong số các điều từ 9 đến 15, trong đó lớp vật liệu thứ hai tạo ra lớp ngoài cùng của phần che ngực thứ nhất, và trong đó lớp vật liệu thứ hai bao gồm kết cấu lưới dệt kim.

Mục 17. Cơ cấu áo ngực theo điều bất kỳ trong số các điều từ 9 đến 16, trong đó đệm chèn bao gồm vật liệu bọt.

Mục 18. Cơ cấu áo ngực theo mục 17, trong đó vật liệu bọt bao gồm các lỗ.

Mục 19. Cơ cấu áo ngực theo điều bất kỳ trong số các điều từ 9 đến 18, trong đó đệm chèn này còn bao gồm vật liệu lưới được chồng lớp lên mặt thứ nhất của đệm chèn.

Mục 20. Phương pháp sản xuất đệm chèn để sử dụng trong phần che ngực của áo ngực, trong đó phương pháp này bao gồm các bước: tạo ra đệm chèn để bao gồm mép lõm trong,

mép lồm ngoài đối diện với mép lồm trong, và một hoặc nhiều mép phụ kéo dài từ mép lồm trong và mép lồm ngoài.

Mục 21. Đệm chèn một mảnh dùng cho phần che ngực của áo ngực, trong đó đệm chèn một mảnh này bao gồm phần bên phải và phần bên trái, trong đó mỗi trong số phần bên phải và phần bên trái bao gồm: mép lồm trong; mép lồm ngoài đối diện với mép lồm trong; và một hoặc nhiều mép phụ kéo dài từ mép lồm trong và mép lồm ngoài để tạo ra hình dạng chu vi cho đệm chèn một mảnh.

Mục 22. Đệm chèn một mảnh cho phần che ngực của áo ngực theo mục 21, trong đó một hoặc nhiều mép phụ bao gồm mép lồm phía trên và mép thẳng phía dưới đối diện với mép lồm phía trên.

Mục 23. Đệm chèn một mảnh cho phần che ngực của áo ngực theo mục 22, trong đó mép thẳng phía dưới kéo dài trực tiếp từ mép lồm trong.

Mục 24. Đệm chèn một mảnh cho phần che ngực của áo ngực theo điều bất kỳ trong số các điều từ 21 đến 23, trong đó hình dạng chu vi của đệm chèn một mảnh bao gồm hai hoặc nhiều góc tù.

Mục 25. Đệm chèn một mảnh cho phần che ngực của áo ngực theo điều bất kỳ trong số các điều từ 21 đến 24, trong đó hình dạng chu vi của đệm chèn một mảnh bao gồm ít nhất một góc nhọn.

Mục 26. Đệm chèn một mảnh cho phần che ngực của áo ngực theo điều bất kỳ trong số các điều từ 21 đến 25, trong đó đệm chèn một mảnh bao gồm vật liệu bọt có các lỗ.

Mục 27. Đệm chèn một mảnh cho phần che ngực của áo ngực theo điều bất kỳ trong số các điều từ 21 đến 26, trong đó đệm chèn một mảnh này còn bao gồm vật liệu lưới được chồng lớp lên ít nhất mặt thứ nhất của đệm chèn một mảnh.

Các khía cạnh của sáng chế đã được mô tả với mục đích minh họa mà không phải để giới hạn. Các khía cạnh thay thế sẽ trở nên rõ ràng với người có trình độ hiểu biết trung bình về lĩnh vực kỹ thuật liên quan mà không vượt ra ngoài phạm vi của sáng chế. Người có hiểu biết trung bình trong lĩnh vực kỹ thuật có thể phát triển các phương tiện thay thế để thực hiện các cải tiến nói trên mà không nằm ngoài phạm vi của sáng chế.

Sẽ được hiểu rằng các dấu hiệu và kết hợp con nhất định là của giải pháp và có thể được thực hiện mà không cần tham chiếu đến các dấu hiệu và kết hợp con khác và được dự định trong phạm vi yêu cầu bảo hộ. Không phải tất cả các bước được liệt kê trên các hình khác nhau cần được thực hiện theo thứ tự cụ thể được mô tả.

YÊU CẦU BẢO HỘ

1. Cơ cấu áo ngực bao gồm: áo ngực bao gồm: phần che ngực thứ nhất được tạo ra bởi ít nhất lớp vật liệu thứ nhất và lớp vật liệu thứ hai đối diện lớp vật liệu thứ nhất để xác định không gian túi giữa chúng, trong đó không gian túi được xác định bởi hình dạng chu vi bao gồm mép lõm trong, mép lõm ngoài đối diện với mép lõm trong, và một hoặc nhiều mép phụ kéo dài từ mép lõm trong và mép lõm ngoài, phần hở của túi thông với không gian túi; và đệm chèn được đặt kiểu gờ ra được trong không gian túi của phần che ngực thứ nhất, trong đó đệm chèn này bao gồm mép lõm trong, mép lõm ngoài đối diện với mép lõm trong, và một hoặc nhiều mép phụ kéo dài từ mép lõm trong và mép lõm ngoài, trong đó mép lõm trong của đệm chèn cân bằng với mép lõm trong của không gian túi và mép lõm ngoài của đệm chèn cân bằng với mép lõm ngoài của không gian túi; trong đó lớp vật liệu thứ hai bao gồm phần cắt kéo dài vào phần che ngực thứ nhất, trong đó một hoặc nhiều mép phụ của đệm chèn bao gồm mép lõm phía trên, trong đó đệm chèn bao gồm vật liệu bọt, và trong đó đệm chèn còn bao gồm vật liệu lưới chồng lớp lên ít nhất mặt thứ nhất của đệm chèn.
2. Cơ cấu áo ngực theo điểm 1, trong đó một hoặc nhiều mép phụ của đệm chèn cân bằng với một hoặc nhiều mép phụ của không gian túi.
3. Cơ cấu áo ngực theo điểm 1, trong đó áo ngực còn bao gồm: phần che ngực thứ hai mà cùng với phần che ngực thứ nhất tạo ra phần phía trước của áo ngực; dây đeo vai thứ nhất kéo dài từ phần che ngực thứ nhất; và dây đeo vai thứ hai kéo dài từ phần che ngực thứ hai.
4. Cơ cấu áo ngực theo điểm 1, trong đó một hoặc nhiều mép phụ của đệm chèn bao gồm mép thẳng phía dưới đối diện với mép lõm phía trên.
5. Cơ cấu áo ngực theo điểm 4, trong đó mép thẳng phía dưới của đệm chèn cân bằng với mép của dải dưới kéo dài từ mép dưới của áo ngực.
6. Cơ cấu áo ngực theo điểm 4, trong đó mép thẳng phía dưới của đệm chèn kéo dài trực tiếp từ mép lõm trong của đệm chèn.
7. Cơ cấu áo ngực theo điểm 1, trong đó lớp vật liệu thứ nhất tạo ra lớp trong cùng của phần che ngực thứ nhất, và trong đó lớp vật liệu thứ nhất bao gồm vật liệu lưới dệt kim.
8. Cơ cấu áo ngực theo điểm 1, trong đó lớp vật liệu thứ hai tạo ra lớp ngoài cùng của phần che ngực thứ nhất, và trong đó lớp vật liệu thứ hai bao gồm vật liệu lưới dệt kim.

9. Cơ cấu áo ngực theo điểm 1, trong đó phần cắt nằm ở vùng giữa của áo ngực.

10. Áo ngực bao gồm:

phần che ngực thứ nhất bao gồm ít nhất lớp vật liệu thứ nhất và lớp vật liệu thứ hai đối diện, và được đặt cách khỏi lớp vật liệu thứ nhất, trong đó lớp vật liệu thứ hai bao gồm hình dạng chu vi bao gồm mép lõm phía trên, mép lõm trong, mép lõm ngoài đối diện mép lõm trong, và một hoặc nhiều mép phụ kéo dài từ mép lõm trong và mép lõm ngoài; và

đệm nằm giữa lớp vật liệu thứ nhất và lớp vật liệu thứ hai, đệm này bao gồm mép lõm phía trên, mép lõm trong, mép lõm ngoài đối diện mép lõm trong, và mép thẳng trong kéo dài trực tiếp từ mép lõm trong, trong đó mép lõm trong của đệm căn thẳng với mép lõm trong của lớp vật liệu thứ hai và mép lõm ngoài của đệm căn thẳng với mép lõm ngoài của lớp vật liệu thứ hai.

11. Áo ngực theo điểm 10, trong đó đệm còn bao gồm mép thẳng dưới, và trong đó mép thẳng dưới của đệm căn thẳng với một hoặc nhiều mép phụ của lớp vật liệu thứ hai.

12. Áo ngực theo điểm 10, trong đó đệm còn bao gồm mép thẳng dưới, và trong đó mép thẳng dưới của đệm kéo dài trực tiếp từ mép lõm trong của đệm.

13. Áo ngực theo điểm 10, trong đó lớp vật liệu thứ hai bao gồm phần cắt kéo dài vào phần che ngực thứ nhất và tạo ra mép lõm trong của lớp vật liệu thứ hai.

14. Áo ngực bao gồm:

phần che ngực thứ nhất bao gồm một hoặc nhiều lớp vật liệu, mà bao gồm hình dạng chu vi, trong đó hình dạng chu vi bao gồm mép lõm phía trên, mép lõm trong, mép lõm ngoài đối diện mép lõm trong, và một hoặc nhiều mép phụ kéo dài từ mép lõm trong và mép lõm ngoài; và

đệm bao gồm mép lõm phía trên, mép lõm trong, mép lõm ngoài đối diện mép lõm trong, và mép thẳng dưới kéo dài trực tiếp từ mép lõm trong, trong đó mép lõm trong của đệm căn thẳng với mép lõm trong của một hoặc nhiều lớp vật liệu và mép lõm ngoài của đệm căn thẳng với mép lõm ngoài của một hoặc nhiều lớp vật liệu,

trong đó một hoặc nhiều lớp vật liệu bao gồm phần cắt kéo dài vào phần che ngực thứ nhất và tạo ra ít nhất một phần mép lõm trong của một hoặc nhiều lớp vật liệu.

15. Áo ngực theo điểm 14, trong đó mép thẳng dưới của đệm căn thẳng với một hoặc nhiều

mép phụ của một hoặc nhiều lớp vật liệu.

16. Áo ngực theo điểm 14, trong đó đệm bao gồm mép thẳng trong kéo dài trực tiếp từ mép lõm trong.

17. Áo ngực theo điểm 14, trong đó mép thẳng dưới của đệm căn thẳng với mép của dải dưới của áo ngực.

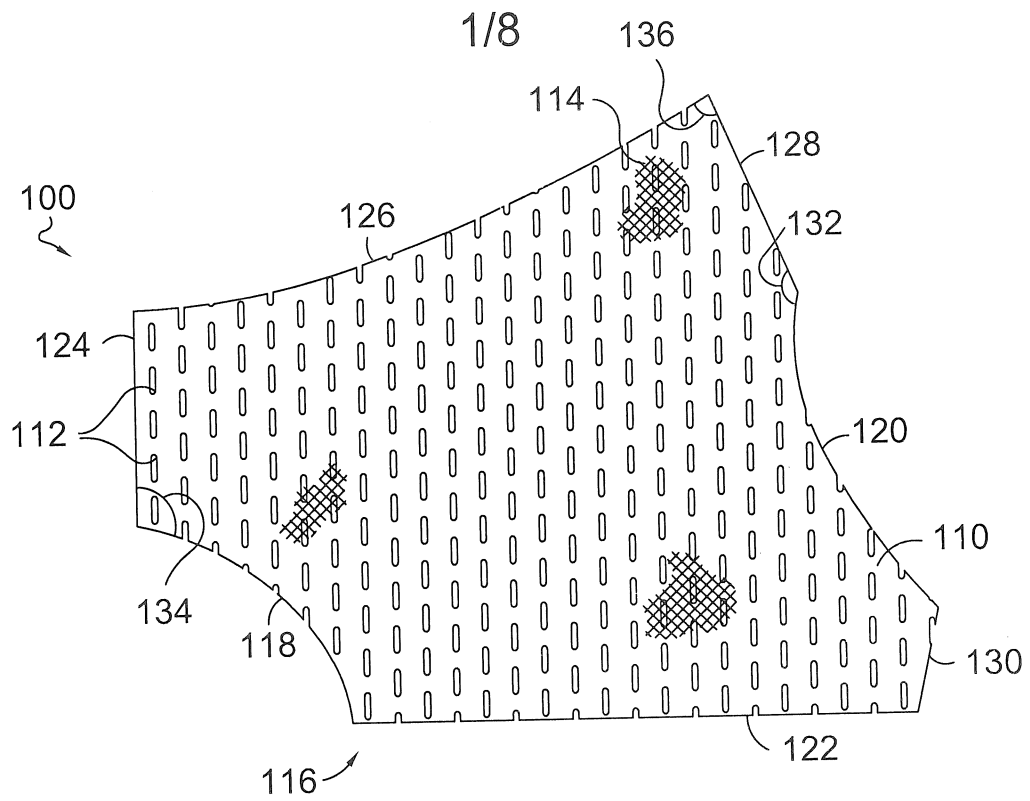


FIG. 1.

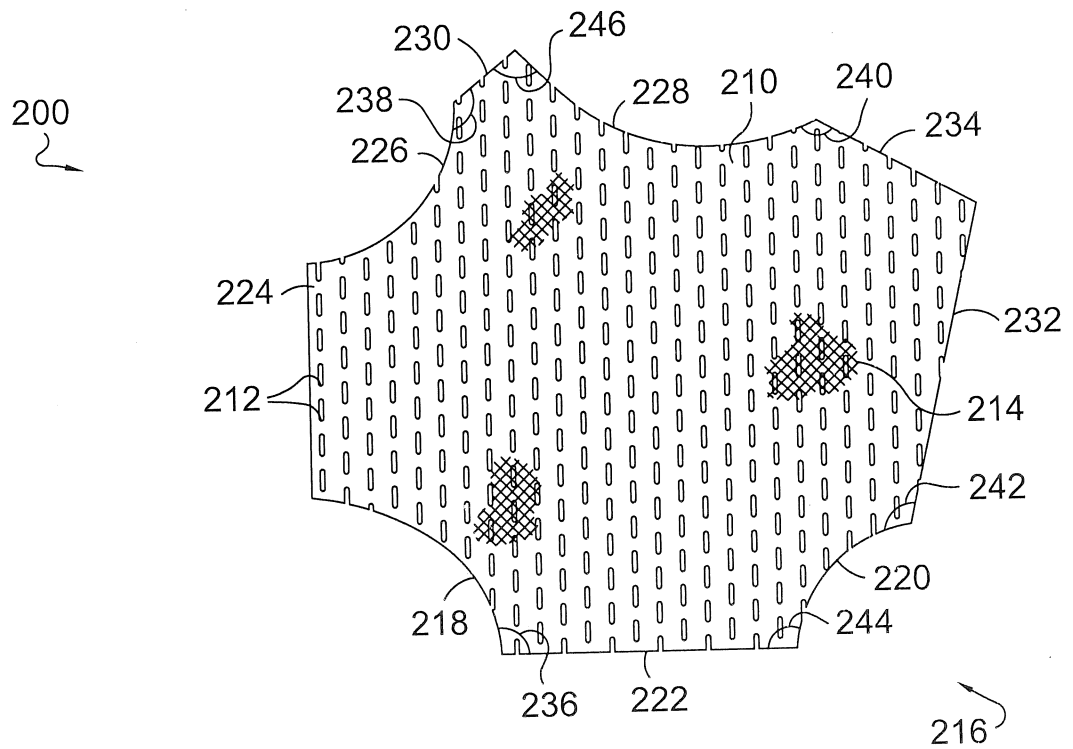


FIG. 2.

2/8

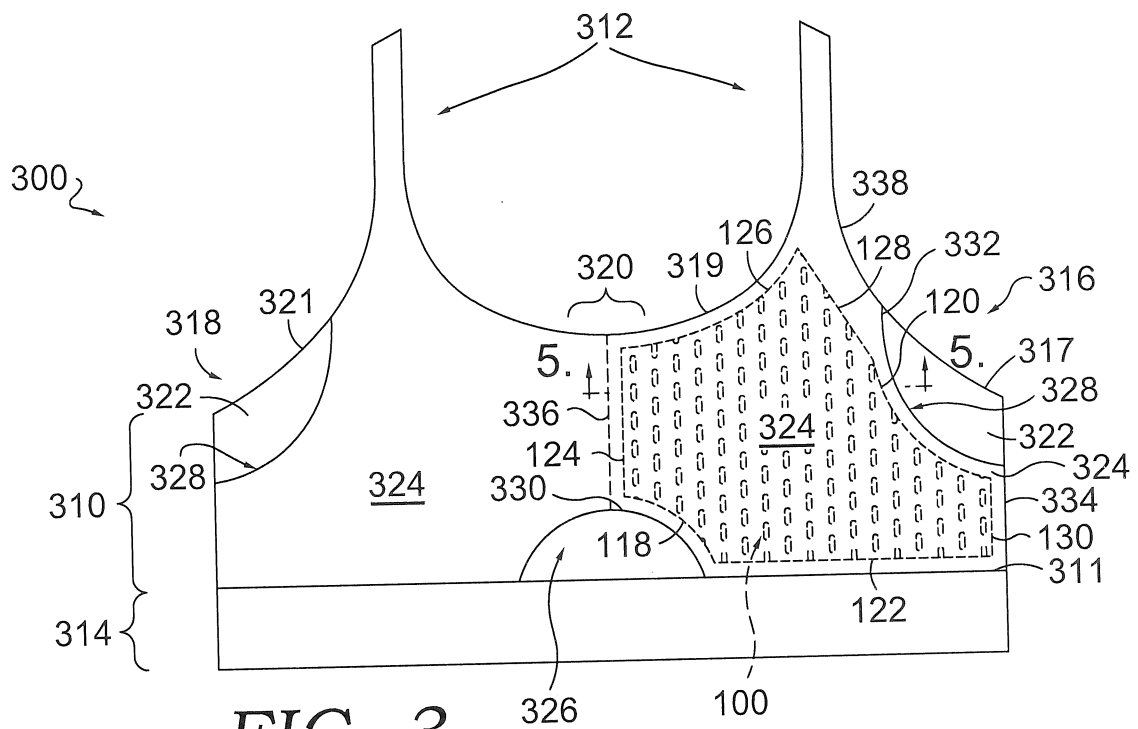


FIG. 3.

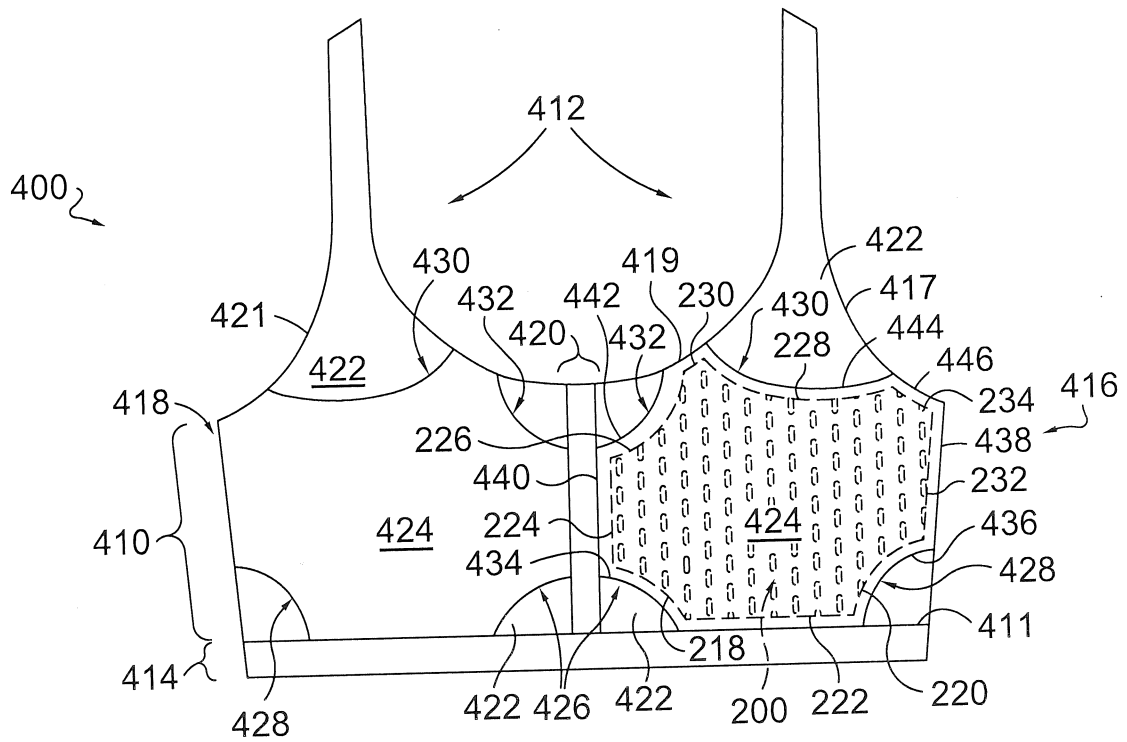
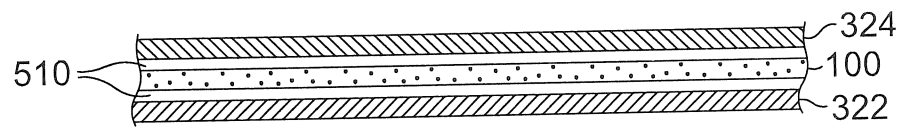
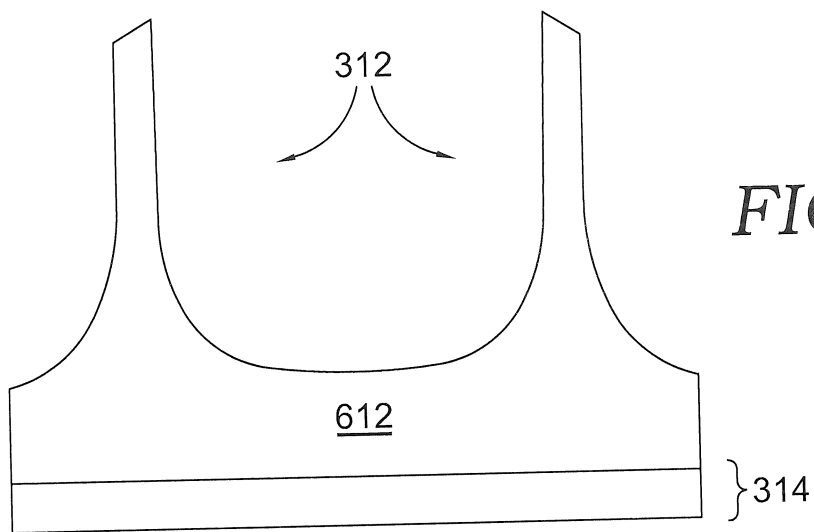
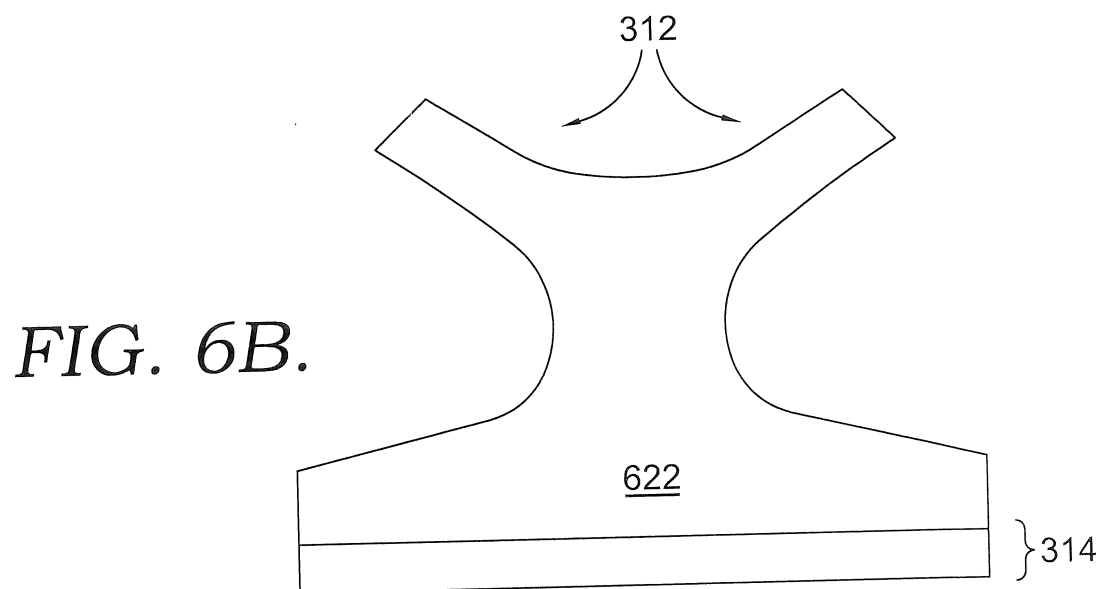
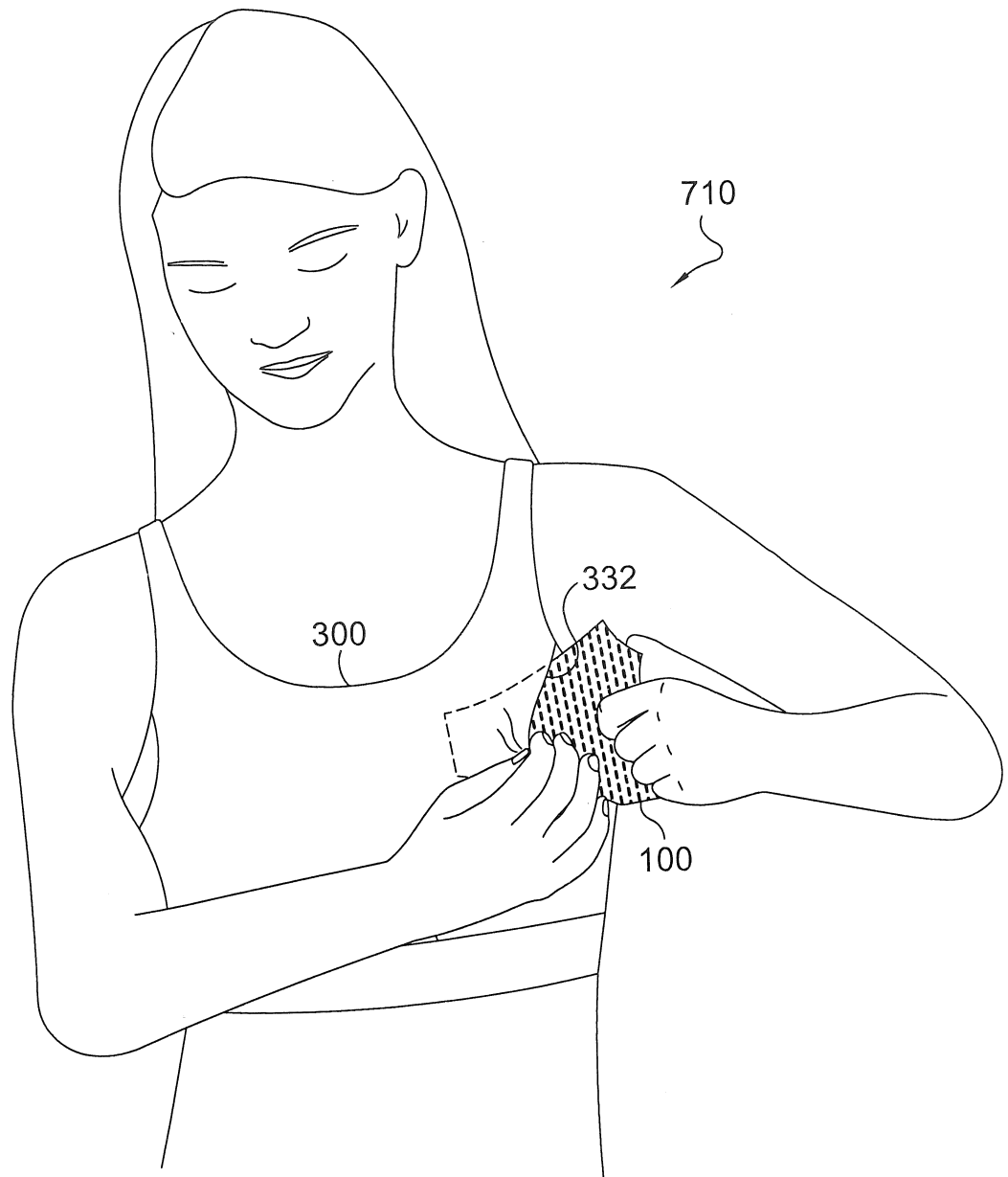


FIG. 4.

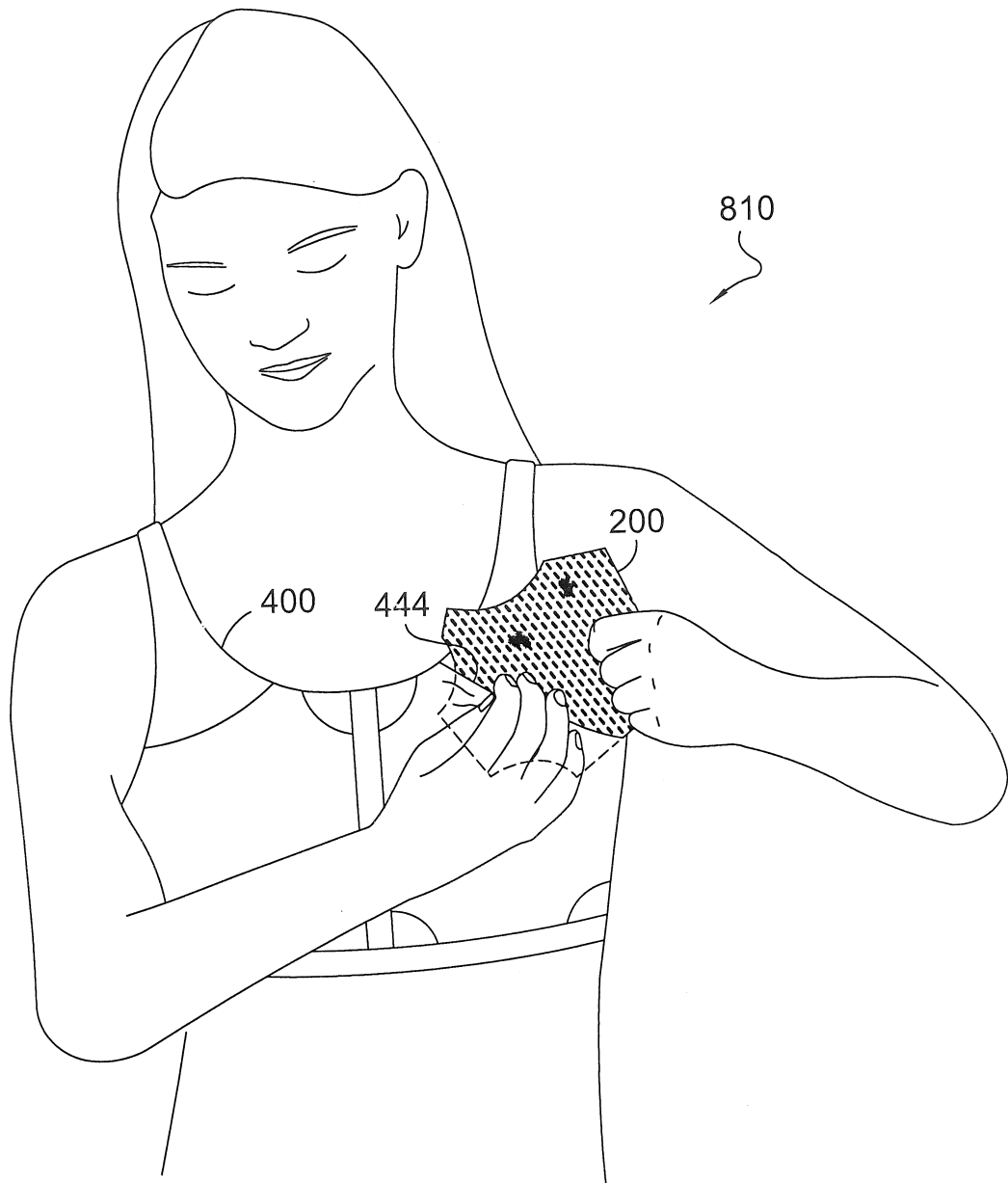
3/8

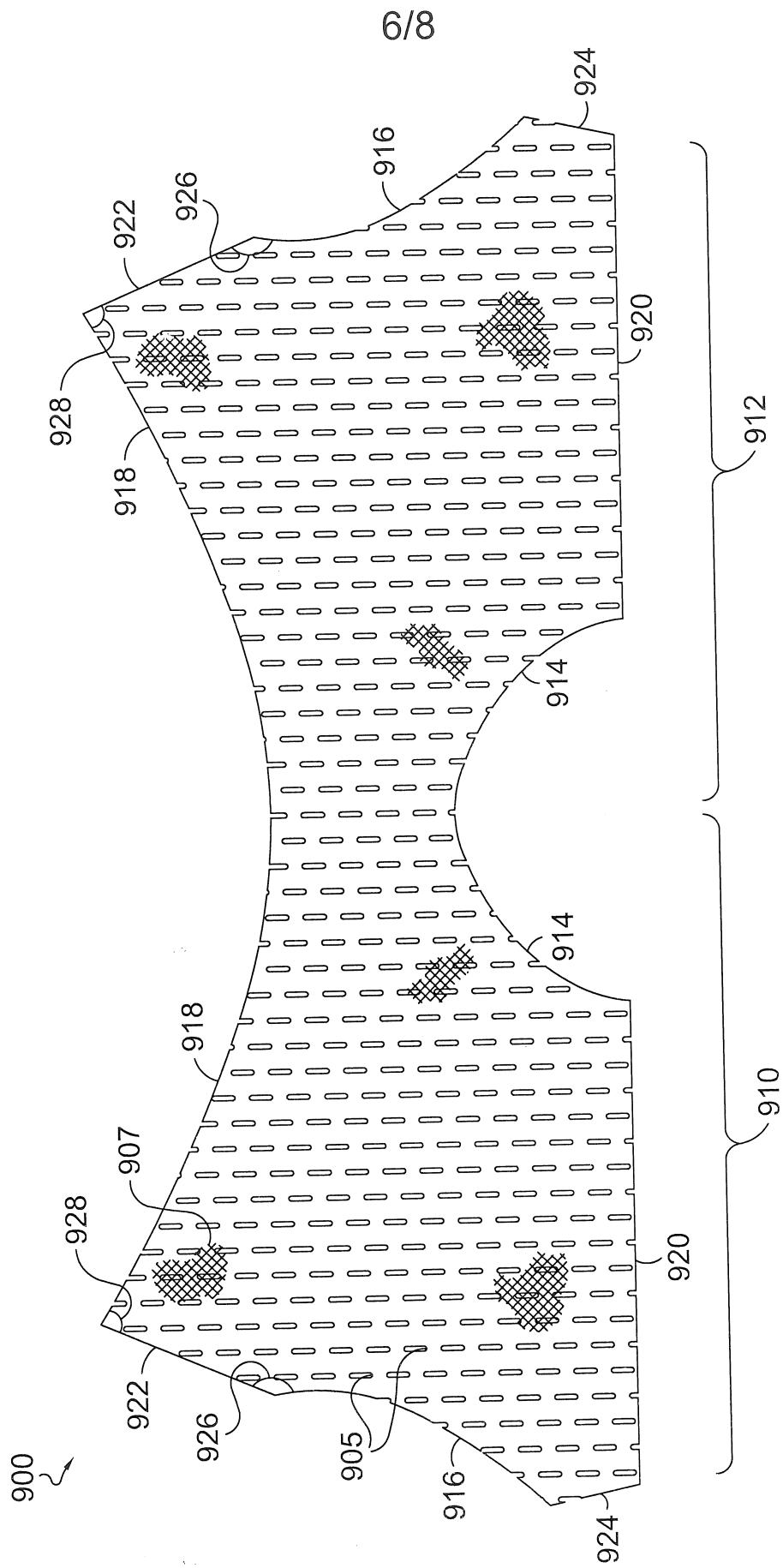
*FIG. 5.**FIG. 6A.**FIG. 6B.*

4/8

**FIG. 7.**

5/8

*FIG. 8.*

*FIG. 9.*

7/8

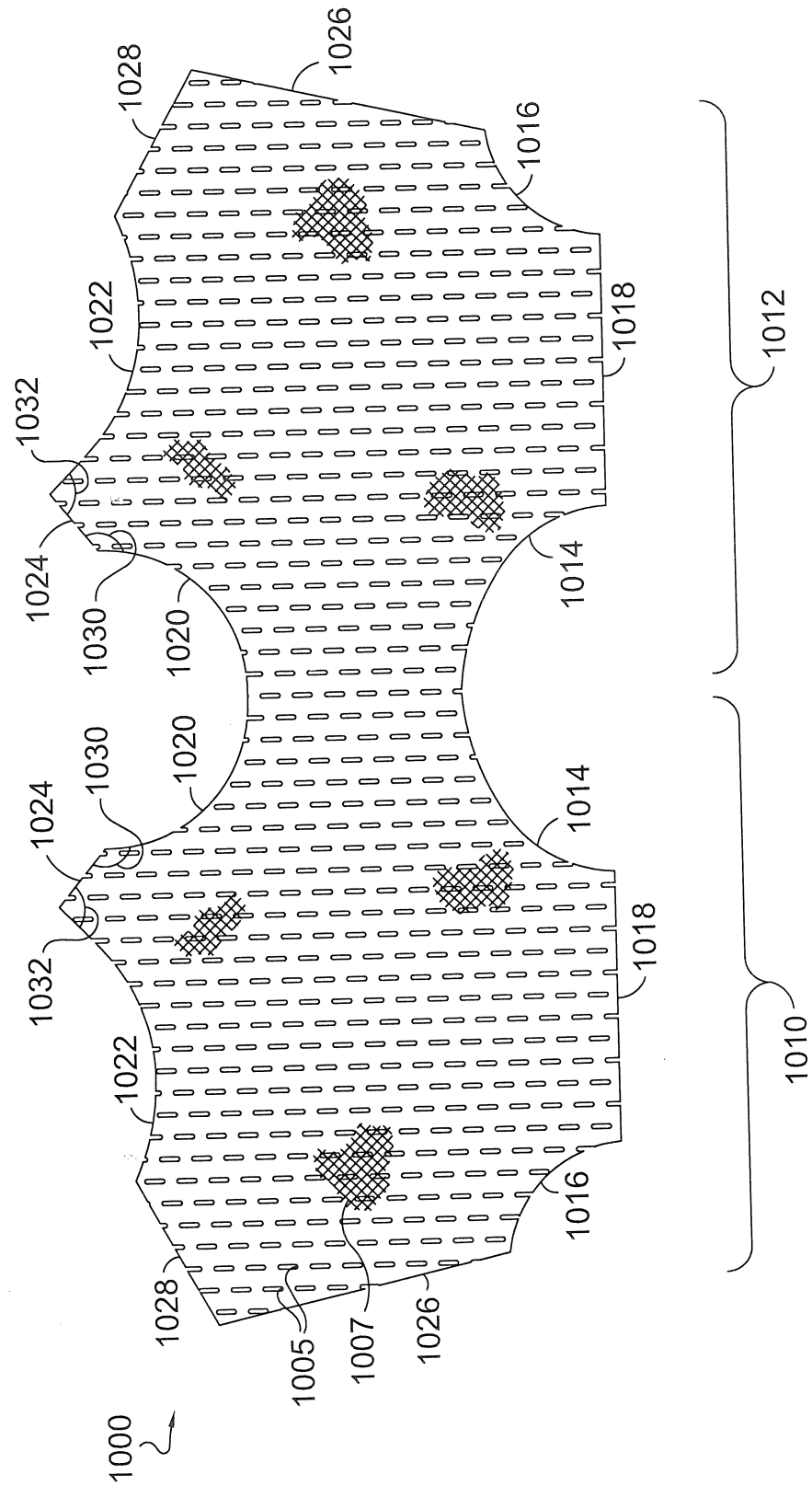


FIG. 10.

8/8

1100



1110

Tạo ra đệm chèn bao gồm mép lõm trong,
mép lõm ngoài và một hoặc nhiều mép phụ

FIG. 11.